

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ học kỹ thuật 1207102

Ngày Thi : 27/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV101

Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
1	10154056	TRẦN NGỌC	ÁI	DH100T	Mh	1,0	2,0	4,0	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10119021	PHAN NGUYỄN QUỐC	BỬU	DH10CC	Bao	1,0	2,0	2,0	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10154075	LÊ VĂN	CHIẾN	DH100T	Mh	1,0	2,0	4,5	7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10154058	ĐẬU VĂN	CÔNG	DH100T	Công	1,0	2,0	3,5	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10154057	VÕ THÀNH	CÔNG	DH100T	Se	1,0	2,0	1,5	4,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10154004	LÊ QUỐC	DŨNG	DH100T	Đ2	1,0	2,0	3,0	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10154006	PHẠM DUY	ĐĂNG	DH100T	Phy	1,0	1,0	5,0	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	09154012	NGUYỄN HỮU	ĐỒ	DH090T	Đồ	1,0	1,5	4,5	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10154008	HÀ XUÂN	ĐƯƠNG	DH100T	Đu	1,0	2,5	3,0	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11119006	TRẦN VŨ NGÂN	GIANG	DH11CC	Phan	1,0	1,5	5,0	7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	09154015	NGUYỄN MINH	HẢI	DH090T	Phy	1,0	1,5	5,5	8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10154065	LÝ MINH	HẢO	DH100T	Hao	1,0	2,0	5,0	8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10154013	PHẠM VĂN	HIỆP	DH100T	Hiep	1,0	2,0	3,5	6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10154012	PHẠM TRUNG	HIỆU	DH100T	Hau	1,0	2,5	4,5	8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10154069	NGUYỄN CẢNH	HOÀNG	DH100T	Ly	1,0	2,5	6,0	9,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10154070	DƯƠNG MINH	HỢP	DH100T	Ly	1,0	1,5	3,5	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10154015	HỒ XUÂN	HÙNG	DH100T	Phy	1,0	1,0	5,0	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Cơ học kỹ thuật 1207102

Ngày thi : 27/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phóng thi TV101 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	10154067	DƯƠNG HOÀNG HUY	DH100T	<i>Huy</i>		1,0	1,5	3,0	5,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	10154063	PHẠM CHÁNH HÙNG	DH100T	<i>Hùng</i>		1,0	2,5	4,5	8,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	09154027	CHẾ MINH KHIÊM	DH090T							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
21	10154017	TRẦN ĐĂNG KHOA	DH100T	<i>Khoa</i>		1,0	2,5	5,0	8,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	10154018	VƯƠNG NHẬT KHÔI	DH100T	<i>Khôi</i>		1,0	2,0	6,0	9,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	10154019	NGUYỄN KỲ LÂN	DH100T	<i>Kỳ</i>		1,0	2,5	6,0	9,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	13334106	NGUYỄN VĂN LÂN	CD13CI							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	10154074	BÙI THANH LINH	DH100T	<i>Linh</i>		1,0	2,0	2,5	5,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	10154020	ĐOÀN NGUYỄN THÀNH LONG	DH100T	<i>Long</i>		1,0	2,5	4,5	8,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	10154022	NGUYỄN VĂN LỰC	DH100T	<i>Lực</i>		1,0	2,0	4,0	4,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	10154023	THẠCH MÃN	DH100T	<i>Mãn</i>		1,0	1,5	3,5	6,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	10154077	NGUYỄN ÂU VĂN NAM	DH100T	<i>Nam</i>		1,0	1,5	3,0	5,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	10154071	NGUYỄN KHOA NAM	DH100T	<i>Nam</i>		1,0	2,0	4,0	7,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	12344172	TRỊNH HỮU NGHĨA	CD12CI	<i>Nghĩa</i>		0,0	0,0	0,5	0,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	10154099	NGUYỄN THẾ NHÂM	DH100T	<i>Nhâm</i>		1,0	2,0	2,5	5,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	10154027	PHAN XUÂN NHẬT	DH100T	<i>Nhật</i>		1,0	2,0	3,0	6,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	10154089	THÁI SINH NHẬT	DH100T	<i>Nhật</i>		1,0	1,5	1,5	4,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Mô n Họ c : Cơ họ c kỹ thuậ t207102

Ngày y Thi : 27/06/14 Giờ thi: 07g00 - phú t Phò ng thi TV101 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổ trò n điể m phầ n nguyê n	Tổ trò n điể m phầ n lẻ
35	10154028	TRẦN VĂN NHƯ	DH100T			1,0	1,0	4,0	6,0		
36	10154029	NGUYỄN VŨ AN	DH100T			1,0	2,0	4,5	7,5		
37	10154061	HỒ TẤN	DH100T			1,0	0,0	2,0	3,0		
38	10154030	TRẦN VĂN QUANG	DH100T			1,0	2,0	4,5	7,5		
39	10154032	ĐỖ VĂN QUÝ	DH100T			1,0	1,5	0,5	3,0		
40	10154081	MAI HÀ	DH100T			1,0	1,5	6,0	8,5		
41	10118009	TRẦN VĂN SANG	DH10CK			1,0	1,5	2,5	4,0		
42	10154091	NGUYỄN DƯƠNG ĐỨC	DH100T			1,0	1,5	2,0	4,5		
43	10154033	ĐẶNG VĂN SIL	DH100T			1,0	2,0	3,5	6,5		
44	10154034	NGUYỄN PHƯỚC SON	DH100T			1,0	2,5	1,0	4,5		
45	10154095	NGUYỄN TRƯỜNG SON	DH100T			1,0	1,5	2,5	5,0		
46	10154086	DƯƠNG CHÍ THANH	DH100T			1,0	1,5	1,0	4,5		
47	10154038	NGUYỄN HOÀNG THÀNH	DH100T			1,0	2,0	1,0	4,0		
48	10154039	VĂN TIẾN THÀNH	DH100T			1,0	2,0	3,0	6,0		
49	10154040	HUYỀN THẢO	DH100T			1,0	1,5	3,0	5,5		
50	10154042	LÂM QUANG THIÊN	DH100T			1,0	2,0	3,0	6,0		
51	10154047	NGUYỄN VĂN TİM	DH100T			1,0	2,0	4,0	7,0		

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ học kỹ thuật 207102

Ngày Thi : 27/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phóng thi TV101 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết t	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
52	10154085	NGUYỄN QUANG CÔNG	TOAI	DH10OT		1,0	1,5	4,0	6,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	10154050	HUỖNH CÔNG	TRÍ	DH10OT		1,0	2,0	2,5	5,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	09154048	DƯƠNG VĂN	TRUNG	DH09OT		1,0	1,5	1,5	4,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	10154088	LÊ VĂN	TUẤN	DH10OT		1,0	2,0	3,5	6,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	08154040	NGUYỄN ANH	TUẤN	DH08OT		0,5	1,5	4,0	6,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	10154053	NGUYỄN LƯƠNG	TUYÊN	DH10OT		1,0	2,0	4,0	7,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	10154072	TRẦN QUỐC	VINH	DH10OT		1,0	1,5	5,0	7,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	10154054	PHAN TRUNG	YÊN	DH10OT		1,0	2,0	2,5	5,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Tiến

Lê Quang Trí

Nguyễn Văn Tiến

Nguyễn Văn Tiến

Nguyễn Văn Tiến

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Cơ học lý thuyết 207103

Ngày thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phóng thi TV102 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm m. T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
1	13153034	PHẠM NHẬT ANH	DH13CD			1,5	0,25	0,25	3,0		
2	13153036	NGUYỄN XUÂN ẤT	DH13CD			1,25	0,5	1,25	3,0		
3	13153001	NGUYỄN VĂN BÁ	DH13CD			1,5	0,25	1,25	3,0		
4	13153002	KIM THANH BẠCH	DH13CD			1,25	0,25	1,0	2,5		
5	13153038	THAI QUANG BẢO	DH13CD			1,5	0,5	3,5	5,5		
6	13153042	TẠ VĂN BÌNH	DH13CD			1,5	0,25	1,75	3,5		
7	13153044	LÊ VĂN CẢNH	DH13CD			1,5	0,25	1,75	3,5		
8	13153045	TRẦN ĐỨC CẢNH	DH13CD								
9	13153043	PHAN NGỌC CAO	DH13CD			1,5	1,0	4,5	7,0		
10	13153046	HUỶNH CÔNG CHÍNH	DH13CD			2,0	0,25	1,75	4,0		
11	11138013	TRẦN MẠNH CƯỜNG	DH11CD			2,0	2,0	3,0	7,0		
12	12115234	NGUYỄN ANH DŨNG	DH12GN			1,5	0,3	1,0	2,8		
13	13153059	NGUYỄN QUỐC DŨNG	DH13CD			1,5	0,5	1,0	3,0		
14	13153054	LÂM THÁI DUY	DH13CD								
15	13153003	PHẠM TRẦN ANH DUY	DH13CD								
16	13153061	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	DH13CD			1,75	1,0	1,25	4,0		
17	13153063	TRẦN VĂN DƯƠNG	DH13CD								

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Cơ học lý thuyết LT207103

Ngày thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phóng thi TV102 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
18	13153068	MAI QUỐC	ĐẠT	DH13CD	0,5	1,3	0,5	1,5	3,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	13153004	TRƯƠNG NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	DH13CD	0,5	1,0	0,25	1,25	2,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13153073	NGUYỄN VĂN	ĐẦU	DH13CD	0,5	0,5	0,3	0,0	0,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13153005	ĐẶNG HỮU	ĐỀ	DH13CD	0,5	1,5	0,5	4,0	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13153074	K	ĐỀ	DH13CD	0,5	1,5	0,25	0,25	2,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13153076	LÊ KHÁI	ĐỊNH	DH13CD	0,5	1,5	0,5	2,0	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13153077	TRƯƠNG CÔNG	ĐỊNH	DH13CD	0,5	1,5	1,0	2,3	4,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13153078	TRƯƠNG CÔNG	ĐỊNH	DH13CD	0,5	1,3	0,25	0,25	1,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13153006	NGUYỄN TAM	ĐỨC	DH13CD	0,5	1,5	0,5	2,0	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13153007	PHẠM TIẾN	ĐỨC	DH13CD	0,5	1,25	0,25	0,0	1,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13153084	NGUYỄN TRÚC	GIANG	DH13CD	0,5	1,5	1,5	2,5	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13153086	DƯƠNG MINH	HÀO	DH13CD	0,5	1,3	0,5	3,0	4,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13153088	LÊ VĂN	HÀO	DH13CD	0,5	1,5	0,5	3,5	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13153092	LÊ QUANG	HẬU	DH13CD	0,5	1,3	0,25	2,25	4,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13153093	PHÙNG VĂN	HẬU	DH13CD	0,5	1,5	0,5	1,0	3,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13153094	ĐOÀN QUANG	HIẾN	DH13CD						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13153095	NGUYỄN VINH	HIẾN	DH13CD						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Cơ học lý thuyết 207103

Ngày thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV102 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	13153008	PHẠM MINH HIẾN	DH13CD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13153096	DƯƠNG ĐỨC HIẾU	DH13CD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	13153101	THÁI TRƯƠNG HIẾU	DH13CD	<i>Thái</i>		1,0	0,25	2,25	3,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13153103	NGUYỄN ĐÔNG HOÀI	DH13CD	<i>Hoài</i>		0,5	1,5	2,3	4,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13153104	HÀ LÝ GIA HOÀNG	DH13CD	<i>Ha</i>		1,5	0,5	1,5	3,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13153106	NGUYỄN HUY HOÀNG	DH13CD	<i>Huy</i>		1,5	0,3	2,5	4,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	13153108	BÀN THỂ HỒNG	DH13CD	<i>Ban</i>		1,0	0,3	2,0	3,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	13153109	NGUYỄN TÂN HỒNG	DH13CD	<i>Tan</i>		1,5	0,5	1,0	3,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	13153110	DOÃN ĐỨC HUY	DH13CD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	13153111	ĐỖ NGỌC QUỐC HUY	DH13CD	<i>Do</i>		1,5	0,75	1,25	3,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	13153009	NGÔ THANH HUY	DH13CD	<i>Ng</i>		1,5	0,5	5,0	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	13153114	NGUYỄN HUỖNH QUANG HUY	DH13CD	<i>Ng</i>		1,5	0,75	2,25	4,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13153115	NGUYỄN PHÚC HUY	DH13CD	<i>Ph</i>		1,25	1,5	3,25	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13153010	NGUYỄN ANH KHÔI	DH13CD	<i>Anh</i>		1,0	0,25	2,25	3,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12344068	TRẦN VĂN LAI	CD12CI	<i>Tr</i>		1,5	0,25	2,25	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	13153011	CHU VĂN LONG	DH13CD	<i>Chu</i>		1,5	0,3	1,5	3,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	13153012	NGUYỄN HỮU LỘC	DH13CD	<i>Lu</i>		1,5	1,0	1,5	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phóng thi TV102 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
52	13153013	HUYNH MINH	LÝ	DH13CD	Thy	1,0	0,3	2,0	3,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11154045	CHU ĐỨC	MINH	DH11OT	Đức	1,0	0,25	0,75	2,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	13153014	TRINH ĐÌNH	MINH	DH13CD						(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	13153015	CHU HOÀI	NAM	DH13CD	Nam	1,5	0,5	2,0	4,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	13153016	NGUYỄN MINH	NGỌC	DH13CD	Nguyen	1,25	0,25	0,0	1,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	13153161	CAO ĐÌNH	NGUYỄN	DH13CD	Nguyen	0,0	0,25	0,75	1,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	13153017	HỒ VĂN	QUANG	DH13CD	Ho	1,5	0,5	3,5	5,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	12154164	TRẦN XUÂN	QUANG	DH12OT	Tran	1,0	0,25	3,25	4,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	13153018	DIỆP CHÍ	QUẬN	DH13CD	Quận	1,0	0,3	1,5	2,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	13153032	NGUYỄN QUANG	QUẬN	DH13CD						(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	13153019	PHAN VĂN	SINH	DH13CD	Phan	2,0	0,3	1,0	3,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	13153020	HỒ HOÀNG	TÂM	DH13CD	Ho	1,75	0,25	1,5	3,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	13153021	CAO THANH	TÂN	DH13CD	Tan	1,0	0,5	1,0	2,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	13115098	ĐOÀN THỊ THU	THANH	DH13GB	Doan	2,0	0,75	2,75	5,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	13153023	TĂNG THÀNH	THẢO	DH13CD	Tang	1,5	1,0	1,0	3,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	13153024	LÊ VĂN	THUẬN	DH13CD	Le	1,0	1,0	0,5	2,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	12115032	PHAN NGỌC	THỦY	DH12GB	Phan	1,5	0,5	0,5	2,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ học lý thuyết 1-207103

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phóng thi TV102 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
69	13153025	ĐẶNG VĂN THUYẾT	DH13CD	<i>Thuyết</i>		1,8	0,0	0,0	1,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	12153156	NGÔ NHẬT TRƯỜNG	DH12CD	<i>Tr</i>		1,25	0,5	1,25	3,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	12118055	NGUYỄN TRUNG TUẤN	DH12CK	<i>Thuan</i>		0,5	0,5	0,5	1,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	13153026	PHẠM LÂM ANH TUẤN	DH13CD	<i>Tr</i>		1,5	0,3	1,0	2,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
73	11154053	HUỖNH THANH TÙNG	DH11OT	<i>Thung</i>		0,5	0,0	0,8	1,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	12153122	TRẦN VĂN TUYÊN	DH12CD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	11169025	NGUYỄN THUY TUYẾT VÂN	DH11GN	<i>Vân</i>		1,75	0,5	1,75	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	13153029	TRẦN VĂN VI	DH13CD	<i>Vi</i>		1,5	0,5	2,3	4,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	13153027	ĐÀO HOÀNG VINH	DH13CD	<i>Vinh</i>		2,0	0,0	2,3	4,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	13153028	NGÔ TẤN VINH	DH13CD	<i>Vinh</i>		1,3	1,0	0,0	2,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	13153030	TA NGỌC SƠN VŨ	DH13CD	<i>Son</i>		1,25	0,25	0,0	1,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	13153031	TRẦN THẾ VƯƠNG	DH13CD	<i>Thung</i>		1,3	0,5	1,0	2,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

VP
Vương Chí Tôn

Thuy Thuy
Thuy Thuy

Thung
Thung

VP
TS. Vương Chí Tôn

Thung
Thung

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ học lý thuyết 207103

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi T2

Nhóm : 02

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
							40%	60%			
1	13153281	NGUYỄN HỮU CẢNH	DH13CD						V	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13153283	VÕ QUỐC DANH	DH13CD				5	2	3,2	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13153119	NGUYỄN VĂN HÙNG	DH13CD				1	7	4,6	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13153120	TRƯƠNG NGỌC HÙNG	DH13CD				7	5	5,8	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13153121	VÕ THỊ KIM HƯƠNG	DH13CD				4	6	5,2	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13153122	MAI ĐỨC HỮU	DH13CD				2	4	3,2	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13153123	TRẦN MINH KHA	DH13CD				2	4	3,2	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13153124	NGUYỄN TRỌNG KHANG	DH13CD				3	1	1,8	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13153125	NGUYỄN MINH KHANH	DH13CD				4	4	4,0	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13153127	PHẠM QUỐC KHÁNH	DH13CD				1	5	3,4	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13153128	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	DH13CD				3	7	5,4	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13153129	NGUYỄN ĐÌNH ĐĂNG KHOA	DH13CD				8	9	8,6	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13153130	TRẦN VĂN KHOA	DH13CD				2	2	2,0	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13153132	NGUYỄN DUY KHƯƠNG	DH13CD				2	2	2,0	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13153136	NGUYỄN NHẬT KING	DH13CD				5	2	3,2	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13153137	PHẠM THÀNH KÔNG	DH13CD						V	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13153138	TRẦN QUANG KỶ	DH13CD				2	5	3,8	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Cơ học lý thuyết 207103

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phóng thi T2 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
							40	60			
18	13153142	NGUYỄN VĂN LÂM	DH13CD				3	5	4,2	0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	13153144	TRƯƠNG VĂN LÊ	DH13CD				4	8	6,4	0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13153146	TRẦN TẤN	DH13CD				5	3	3,8	0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13153147	VÕ THÀNH LUÂN	DH13CD				2	5	3,8	0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13153150	NGUYỄN TIẾN MẠNH	DH13CD				2	3	2,6	0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Tuấn
Lê Văn Tuấn

Nguyễn Hồng Phong
Nguyễn Hồng Phong

Nguyễn Hồng Phong
Nguyễn Hồng Phong

Nguyễn Tiến
Nguyễn Tiến

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Mô n Họ c : Cơ họ c lý thuyế t 207103

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phò ng thi TV101

Nhóm : 02

Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổ trò n điể m phầ n nguyê n	Tổ trò n điể m phầ n lẻ
								40%	60%		
1	13153152	ĐẶNG HOÀNG NAM	DH13CD				4	1	2,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13153155	NGUYỄN HOÀI NAM	DH13CD				1	1	1,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13153156	PHẠM NGỌC NAM	DH13CD				4	5	4,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13153159	HUỖNH TRỌNG NGÂN	DH13CD						V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13153282	ĐẶNG ĐẠI NGỌC	DH13CD				2	1	1,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13153160	NGUYỄN THỊ NHƯ	DH13CD						V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13153164	LƯU NGỌC NHÂN	DH13CD				2	2	2,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13153165	NGUYỄN THÀNH NHÂN	DH13CD				3	2	2,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13153166	PHAN THÀNH NHÂN	DH13CD				4	5	4,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13153168	NGUYỄN HOÀNG MINH NHẬT	DH13CD				2	3	2,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13153170	LÊ MINH PHI	DH13CD				8	5	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13153171	ĐOÀN TRẦN THANH PHONG	DH13CD						V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13153172	NGUYỄN TIẾN PHONG	DH13CD				2	1	1,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13153173	NGUYỄN VĂN PHONG	DH13CD				2	1	1,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13153176	HUỖNH NGUYỄN PHÚC	DH13CD				5	1	2,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13153181	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	DH13CD				1	0	0,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13153284	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	DH13CD				0	3	1,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV101

Nhóm : 02

Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
							40%	60%			
18	13153186	TRẦN MINH QUANG	DH13CD				2	1	1,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	13153191	LÊ TRỌNG QUỐC	DH13CD				1	3	2,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13153196	THẦN VĂN QUYẾT	DH13CD				3	2	2,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13153197	DƯƠNG QUYNH	DH13CD				6	3	4,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13153202	NGUYỄN TẤN SỸ	DH13CD				6	3	4,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13153204	PHANTHƯƠNGHOÀI LINH	TÂM	DH13CD					✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13153206	NGUYỄN HÀ TÂN	DH13CD				3	1	1,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13153208	NGUYỄN ĐỨC THÁNH	DH13CD						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13153213	NGUYỄN HỒNG THẮNG	DH13CD				8	5	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13153215	HÀN VĂN THI	DH13CD				7	5	5,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13153216	LÊ BÙI THI	DH13CD				7	3	4,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13153219	TÔN THẮT THIÊN	DH13CD				1	2	1,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13153223	TRẦN HỮU THỌ	DH13CD						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13153222	TRƯƠNG PHI THOÀN	DH13CD				2	3	2,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13153224	LÊ TỰ QUỐC THÔNG	DH13CD				2	2	2,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13153229	LÊ QUYẾT TIÊN	DH13CD				3	2	2,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13153232	NGUYỄN THÀNH TIẾN	DH13CD				8	5	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ học lý thuyết 207103

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi TV101

Nhóm : 02

Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	D 1 (%)	D 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	13153233	NGUYỄN VĂN TIẾN	DH13CD				40%	60%	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13153236	PHẠM TRONG TÍN	DH13CD				4	2	2,8	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	13153238	MAI THANH TÍNH	DH13CD				1	5	3,4	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13153243	NGUYỄN LÊ MINH TRÍ	DH13CD				5	5	5,0	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13153244	NGUYỄN THANH TRÍ	DH13CD				2	5	3,8	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13153240	NGUYỄN CÔNG TRIỂN	DH13CD				1	1	1,0	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	13153285	NGUYỄN QUANG TRUNG	DH13CD				5	3	3,8	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	13153245	NGUYỄN TIẾN TRUNG	DH13CD				2	4	3,2	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	13153246	TỬ SỸ TRUNG	DH13CD				0	2	1,2	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	13153247	ĐINH MẠNH TRƯỜNG	DH13CD				7	7	7,0	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	13153250	NGUYỄN NHỰT TRƯỜNG	DH13CD						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	13153251	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	DH13CD				7	3	4,6	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13153253	ĐỒNG ANH TUẤN	DH13CD				4	6	5,2	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13153255	LÊ NGỌC TRIỆU TUẤN	DH13CD				0	1	0,6	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	13153256	LÊ XUÂN TUẤN	DH13CD						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	13153259	TRẦN THANH TUẤN	DH13CD				2	2	2,0	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	13153260	NGUYỄN HUY TUỆ	DH13CD				1	1	1,0	✓ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ học lý thuyết 207103

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV101

Nhóm : 02

Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
52	13153264	TRƯƠNG THANH	TÙNG	DH13CD			40%	60%	✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	13153261	TRƯƠNG VĂN	TUY	DH13CD			3	1	1,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	13153268	NGUYỄN CAO	VĂN	DH13CD					✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	13153269	VÕ THÀNH	VĂN	DH13CD					✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	13153272	ĐINH QUỐC	VŨ	DH13CD			2	4	3,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	13153275	LÊ VĂN	VŨ	DH13CD			2	5	3,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	13153278	PHẠM TUẤN	VŨ	DH13CD					✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	13153280	LƯƠNG TRUNG	VƯỢNG	DH13CD			7	6	6,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Handwritten signature
Bùi Công Hải

Handwritten signature
TS - Vương Thanh Tiến

Handwritten signature
Nguyễn H. Phong

Handwritten signature
Vương Thanh Tiến

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ học lý thuyết 1-207103

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV202 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						20	20	60%			
1	13118067	THÁI VĂN AN	DH13CK							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	13118068	TRẦN HÙNG	DH13CK							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	13118069	HUỶNH BẢO ANH	DH13CK							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	13118071	MAI CÔNG ANH	DH13CK	all		1,5	0,25	0,25	2,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	13118002	ĐẶNG NGỌC AN	DH13CK			1,5	0,5	1,5	3,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	13118082	NGUYỄN ĐÌNH BÌNH	DH13CK							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	13118006	TRẦN QUANG	DH13CK			1,5	0,3	1,5	3,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	13118086	LÊ VĂN CHUÔNG	DH13CK							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	13118088	LÊ ĐỨC CÔNG	DH13CK							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	13118091	NGUYỄN DUY CƯỜNG	DH13CK							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	13118007	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	DH13CK			1,5	0,25	0,25	2,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	13118094	NGUYỄN THẾ DOANH	DH13CK			0,0	0,5	0,0	0,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	12137015	LÊ VĂN DUY	DH12NL			1,8	1,0	3,5	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	13118095	LƯU TRẦN TẤN DUY	DH13CK			1,25	0,25	0,5	2,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	13118008	NGUYỄN HOÀI ANH DUY	DH13CK			1,3	0,5	0,5	2,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	13118097	NGUYỄN HOÀNG DUY	DH13CK			1,0	0,0	1,3	2,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	13118104	NGUYỄN ĐỒNG DƯƠNG	DH13CK			1,5	0,5	1,0	3,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ học lý thuyết B-207103

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV202 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	13118105	TRẦN TÙNG	DƯƠNG	DH13CK						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	13118108	LÂM HỮU NGUYỄN	ĐAN	DH13CK						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	13118010	LÊ TIẾN	ĐẠT	DH13CK	<i>tiến</i>	1,25	0,25	1,0	2,5	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
21	13118112	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	DH13CK	<i>tiến</i>	1,5	1,0	0,5	3,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	13118115	NGUYỄN MINH	ĐĂNG	DH13CK						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	13118116	NGUYỄN CƠ	ĐIỀU	DH13CK	<i>co</i>	0,0	0,3	0,0	0,3	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	13118119	NGÔ HỮU HOÀI	ĐỖ	DH13CK						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	13118121	NGUYỄN DOÃN	ĐỨC	DH13CK	<i>doan</i>	1,0	0,95	0,0	1,3	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	13118122	NGUYỄN MINH	ĐỨC	DH13CK						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	13118011	TRẦN ĐÌNH	ĐỨC	DH13CK	<i>trinh</i>	1,5	1,5	1,0	4,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	13118123	TRỊNH ĐÌNH THANH	ĐỨC	DH13CK	<i>trinh</i>	1,25	0,25	0,5	2,0	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	13118013	ĐỖ HỮU	HÀ	DH13CK						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	13118127	THÁI VĂN	HÀ	DH13CK						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	13118130	NGUYỄN CHỈ	HẢI	DH13CK						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	13118132	NGUYỄN VĂN	HẢI	DH13CK	<i>nguyen</i>	1,0	0,3	0,0	1,3	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	13118015	VŨ ĐÌNH	HẢI	DH13CK	<i>vu</i>	1,25	0,5	0,75	2,5	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	13118133	NGUYỄN HOÀNG	HẢO	DH13CK	<i>hoang</i>	1,0	0,0	0,0	1,0	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ học lý thuyết - 207103

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV202 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
35	13118135	TRẦN TUẤN	HIẾN	DH13CK	Hiến	1,25	1,0	0,25	2,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13118137	NGUYỄN TRỌNG	HIỆU	DH13CK	Trọng	1,70	2,0	0,0	3,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	13118016	NGUYỄN TRUNG	HIỆU	DH13CK						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13118140	ĐẶNG NGỌC	HIỆU	DH13CK						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13118017	TRẦN VĂN	HIỆU	DH13CK	Hiệu	1,25	0,25	1,0	2,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13118147	NGUYỄN THÁI	HÒA	DH13CK	Hòa	1,5	1,0	3,0	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	13118141	TRỊNH VĂN	HOÀN	DH13CK						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	13118020	NHỮ SỸ	HÙNG	DH13CK	Hùng	1,75	0,25	0,5	2,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	13118153	CAO THANH	HUY	DH13CK	Thanh	1,0	0,0	0,0	1,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	13118156	ĐỖ MINH	HUY	DH13CK	Minh	1,5	0,5	0,8	2,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	13118159	LƯU QUỐC	HUY	DH13CK	Quốc	1,25	0,5	0,75	2,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	13118161	HOÀNG PHẠM THANH	HUỲNH	DH13CK	Thanh	1,5	0,5	0,8	2,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13118169	NGUYỄN TRỌNG	HỮU	DH13CK	Trọng	1,25	0,5	0,0	2,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13118174	TRƯƠNG CHÍ	KHANG	DH13CK	Chí	1,5	2,0	4,0	7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	13118021	LƯƠNG PHẠM BÀ	KHÔI	DH13CK	Bà	1,25	1,0	0,25	2,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	13118024	NGÔ MINH	LAN	DH13CK	Minh	1,5	0,5	1,0	3,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	13118025	NGUYỄN HOÀNG	LIÊM	DH13CK	Liêm	1,3	0,5	0,5	2,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV202 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
52	13118209	ĐỖ VĂN MINH	DH13CK	<i>Đỗ Văn Minh</i>		1,5	0,5	0,0	2,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
53	13118030	TRẦN QUỐC NAM	DH13CK	<i>Trần Quốc Nam</i>		1,75	0,75	3,0	5,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
54	13118033	PHẠM ĐÌNH NGUYỄN	DH13CK	<i>Phạm Đình Nguyễn</i>		1,25	0,75	2,0	4,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
55	13118035	NGUYỄN ĐÌNH NHẬT	DH13CK	<i>Nguyễn Đình Nhật</i>		1,25	0,5	2,25	4,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
56	12344103	PHẠM VĂN PHÁT	CD12CI	<i>Phạm Văn Phát</i>		1,5	0,3	1,5	3,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
57	13118039	HUỖNH HỒNG PHÚC	DH13CK	<i>Huỳnh Hồng Phúc</i>		1,25	0,25	0,5	2,0	☒ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
58	13118040	NGUYỄN VĂN PHỤNG	DH13CK	<i>Nguyễn Văn Phụng</i>		1,0	0,3	0,5	1,8	☒ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
59	13118041	LÊ MINH PHƯƠNG	DH13CK	<i>Lê Minh Phương</i>		1,3	0,75	0,25	2,3	☒ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
60	12153011	NGUYỄN VĂN QUANG	DH12CD	<i>Nguyễn Văn Quang</i>		1,5	0,5	0,3	2,3	☒ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
61	11115013	TRẦN ĐÌNH QUÍ	DH11CB							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
62	13118044	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	DH13CK	<i>Nguyễn Như Quỳnh</i>		1,25	0,5	0,75	2,5	☒ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
63	13118045	NGUYỄN VĂN SANG	DH13CK	<i>Nguyễn Văn Sang</i>		1,25	0,5	0,75	2,5	☒ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
64	12118115	NGUYỄN NGỌC TÀI	DH12CK	<i>Nguyễn Ngọc Tài</i>		1,5	0,25	0,75	2,5	☒ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
65	13118047	PHẠM MINH TÀI	DH13CK	<i>Phạm Minh Tài</i>		1,0	0,5	0,3	1,8	☒ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
66	13118049	LƯƠNG NGỌC TÂN	DH13CK	<i>Lương Ngọc Tân</i>		1,3	0,25	0,75	2,3	☒ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
67	12154134	PHAN DUY THANH	DH12OT	<i>Phan Duy Thanh</i>		2,0	0,5	3,0	5,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
68	13118054	ĐOÀN VĂN THOẠI	DH13CK	<i>Đoàn Văn Thoại</i>		2,0	0,25	2,75	4,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Cơ học lý thuyết 1-207103

Ngày thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV202 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tử	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
69	13118058	LÊ QUANG	TRỌNG	DH13CK	Trọng	2,0	0,75	1,25	4,0	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
70	13118059	TRẦN VĂN	TRỌNG	DH13CK	Trọng	1,5	0,5	1,0	3,0	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
71	13118060	PHẠM QUANG	TRUNG	DH13CK	Quang	1,25	0,5	0,25	2,0	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
72	11169024	NGUYỄN THỊ THANH	TRUYỀN	DH11GN	an	1,8	0,5	0,5	2,8	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
73	13118062	NGUYỄN MINH	TÙNG	DH13CK	Tung	1,25	0,25	0,0	1,5	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
74	13118064	NGUYỄN VĂN	TYL	DH13CK	Tyl	0,0	0,0	0,0	0,0	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)

Số lượng vắng : 19 Hiện diện : 55

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

N.V. Kiệp
N.V. Kiệp

Vũ Bá Xích
Vũ Bá Xích

Nguyễn Văn Dũng
Nguyễn Văn Dũng

TS. Kiều Thanh Tâm
TS. Kiều Thanh Tâm

Nguyễn Duy Tuấn
Nguyễn Duy Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Cơ học lý thuyết t207103

Ngày thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi TV201

Nhóm : 04

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13118176	LÊ ĐÌNH KHÁ	DH13CK				5	1	2,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13118181	NGUYỄN VĂN KHÁNH	DH13CK				3	1	1,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13118367	HUỖNH ĐĂNG KHOA	DH13CK				5	1	2,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13118185	PHẠM THANH KHOA	DH13CK						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13118186	ĐÀO XUÂN KHÔI	DH13CK				6	1	3,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13118189	NGUYỄN HỮU KIẾT	DH13CK				3	2	2,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118191	NGUYỄN TÙNG LÂM	DH13CK				5	5	5,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13118197	NGUYỄN CHÍ LINH	DH13CK				5	7	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11115004	TRẦN THỊ MAI LINH	DH11CB				3	3	3,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13118199	ĐÀO HUY LONG	DH13CK				5	1	2,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118200	ĐẶNG HOÀNG LONG	DH13CK				2	2	2,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13118201	NGUYỄN TẤN LỘC	DH13CK						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118204	TRƯƠNG THANH LỰC	DH13CK				3	1	1,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13118206	NGUYỄN VĂN MẠNH	DH13CK				2	3	2,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118205	NGUYỄN BÁ MẠY	DH13CK				2	1	1,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13118208	BÙI LƯƠNG BẢO MINH	DH13CK				2	1	1,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11344035	NGUYỄN KHOA NAM	CD11CI				5	1	2,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Cơ học lý thuyết 207103

Ngày thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV201 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	13118214	TRẦN HOÀI	NAM	DH13CK			6	1	3,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	13118215	MAI THANH	NGÀ	DH13CK					✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13118216	HÀ HỮU	NGHĨA	DH13CK					✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13118218	LÊ VŨ TRƯỜNG	NGỌC	DH13CK			6	5	5,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13118219	TRỊNH ĐÌNH VŨ	NGỌC	DH13CK			6	0	2,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13118221	VŨ VĂN	NGUYỄN	DH13CK			5	1	2,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13118223	NGUYỄN THIÊN	NHÂN	DH13CK					✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13118225	TRẦN VĂN	NHÂN	DH13CK					✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13118229	BÙI PHAN HOÀNG	PHI	DH13CK					✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13118230	CAO HOÀNG	PHI	DH13CK			5	1	2,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13118231	NGUYỄN VĂN	PHI	DH13CK			1	0	0,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13118232	BÙI TẤN	PHONG	DH13CK			5	7	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13118234	NGUYỄN HOÀNG	PHONG	DH13CK			5	0	2,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13118235	NGUYỄN VĂN	PHONG	DH13CK					✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13118237	LÊ HỒNG	PHÚC	DH13CK					✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13118239	HUYỀN VŨ	PHƯƠNG	DH13CK			3	7	5,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11344038	LÂM TUẤN	QUANG	CD11CI					✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ học lý thuyết 1207103

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV201 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
								40%	60%		
35	13118241	NGÔ DUY QUANG	DH13CK				5	1	2,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13118242	NGUYỄN NGỌC THIÊN	DH13CK						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	13118244	NGUYỄN VĂN QUANG	DH13CK						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13118249	TẠ VĂN QUYẾN	DH13CK				5	2	3,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13115091	LÊ THỊ HỒNG SEN	DH13GB				6	5	5,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13118255	HỒ HOÀNG SƠN	DH13CK				5	1	2,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	13118258	TRẦN HÒA SỰ	DH13CK						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	13118259	HUỖNH TRỌNG TÀI	DH13CK				5	7	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	13118262	LÊ TẤN TÀI	DH13CK						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	13118269	VÕ MINH TÂY	DH13CK				8	8	8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	13118276	ĐÀM MINH THÁI	DH13CK				5	3	3,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	13118271	NGUYỄN ĐÌNH THANH	DH13CK						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13118279	TRƯƠNG QUANG THANH	DH13CK				5	2	3,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13118275	ĐẶNG ANH THẢO	DH13CK				5	2	3,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	13118282	TRẦN NAM THẮNG	DH13CK				2	4	3,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	13118285	NGUYỄN PHÚ THỊNH	DH13CK				5	1	2,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	13118286	PHAN MINH THÔNG	DH13CK				3	1	1,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ học lý thuyết 207103

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV201 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
							40%	60%			
52	12344126	VŨ THƠM	CD12CI				6	1	3,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
53	13118290	PHẠM QUỐC THUYỀN	DH13CK				5	1	2,6	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
54	13118291	PHẠM HỮU THƯỜNG	DH13CK				5	6	5,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
55	13118295	HOÀNG ĐÌNH TIẾN	DH13CK						✓	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
56	13118301	LÊ ĐỨC TÍN	DH13CK				5	4	4,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
57	13118307	NGUYỄN TRIỆU TOÀN	DH13CK				5	3	3,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
58	13118312	BACH HUY TRÍ	DH13CK				5	6	5,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
59	13118310	BÙI THANH TRIỂN	DH13CK				3	4	3,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
60	13118313	ĐẶNG XUÂN TRỌNG	DH13CK				5	4	4,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
61	13118317	LÊ QUỐC TRUNG	DH13CK				5	4	4,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
62	13118320	NGUYỄN QUỐC TRUNG	DH13CK				6	4	4,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
63	13118321	TRẦN MINH TRUNG	DH13CK				6	2	3,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
64	13118364	TRƯƠNG CÔNG HOÀI	DH13CK				5	1	2,6	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
65	13118327	NGUYỄN PHAN HẢI	DH13CK						✓	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
66	13118330	ĐOÀN MINH TUẤN	DH13CK				5	2	3,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
67	13118332	LÊ QUỐC TUẤN	DH13CK				6	1	3,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
68	13118335	NGUYỄN LÊ ANH	DH13CK						✓	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ học lý thuyết (L-207103)

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phõng thi TV201 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
							40%	60%			
69	13118337	NGUYỄN THANH TUẤN	DH13CK				7	1	3,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	13118341	LÊ THANH TÙNG	DH13CK						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	13118343	PHẠM THANH TÙNG	DH13CK				5	5	5,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	13118339	NGUYỄN MINH TUYẾN	DH13CK				5	5	5,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
73	13118366	LÊ TÂN VŨ	DH13CK				5	3	3,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	13118358	VÕ ĐỨC VŨ	DH13CK				5	2	3,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	13118359	VŨ GIA VỸ	DH13CK				6	5	5,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thị Thảo

Nguyễn H Phong

Nguyễn Thị Thảo

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV103 Nhóm : 05 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổng tròn điểm phần nguyên	Tổng tròn điểm phần lẻ
1	12154127	HỒ BẢO ANH	DH12OT				40%	60%	4,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13137006	MAI THẾ ANH	DH13NL				0	1	0,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13137008	VŨ TUẤN ANH	DH13NL				8	1	3,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13137011	NGUYỄN THIÊN ÂN	DH13NL				6	1	3,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13137013	ĐẶNG HOÀI BẢO	DH13NL				8	3	5,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13137014	LÊ CÔNG BẢO	DH13NL				8	7	7,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13137015	PHẠM THÁI MINH BẢO	DH13NL				2	1	1,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11134006	LÂM NGỌC BÍCH	DH11GB				1	1	1,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13137019	NGUYỄN VĂN BÌNH	DH13NL				5	2	3,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13137026	NGUYỄN MINH CHÂU	DH13NL				8	5	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13137028	TRẦN MINH CHUÔNG	DH13NL						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13137029	LÊ A DẰNG	DH13NL				8	1	3,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13137039	NHỮ SỸ DŨNG	DH13NL						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13137041	TRẦN NGỌC DŨNG	DH13NL				4	1	2,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154063	BÙI THÀNH DUY	DH12OT				2	2	2,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13137032	ĐỖ VĂN DUY	DH13NL				4	2	2,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13137033	LÊ QUANG DUY	DH13NL						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV103 Nhóm : 05 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
							40%	60%			
18	13137034	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	DH13NL						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12154060	NGUYỄN THÁI DUY	DH12OT				8	9	8,6	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13137035	PHẠM LÊ KHÁNH DUY	DH13NL						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13137036	TRẦN KHÁNH DUY	DH13NL				3	2	2,4	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13137037	TRẦN NGỌC DUY	DH13NL				5	1	2,6	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13137045	LÂM QUỐC ĐẠT	DH13NL				3	3	3,0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13137046	NGUYỄN TẤN ĐẠT	DH13NL				0	1	0,6	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13137047	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	DH13NL				8	2	4,4	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11169017	NGUYỄN SĨ ĐĂNG	DH11GN						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13137048	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	DH13NL				8	2	4,4	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13137051	NGUYỄN HOÀNG GIANG	DH13NL				7	2	4,0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13137052	HUỖNH TẤN HẠNH	DH13NL				8	2	4,4	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13137053	CAO GIA HÂN	DH13NL				5	3	3,8	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13137054	NGÔ HỮU HẬU	DH13NL				8	2	4,4	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13137001	NGUYỄN DUY HẬU	DH13NL				8	2	4,4	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13137002	NGUYỄN TẤN HẬU	DH13NL				7	2	4,0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13137055	NGUYỄN THANH HIỀN	DH13NL				8	2	4,4	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV103 Nhóm : 05 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Kỳ tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô trỏ n điểm m phầ n nguyên	Tô trỏ n điểm m phầ n lẻ
							40%	60%			
35	13137058	MAI HOÀNG HIỆP	DH13NL				5	1	2,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13137056	ĐỖ VĂN HIỆU	DH13NL				5	4	4,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	13137065	HUỖNH NGUYỄN HÒA	DH13NL				5	2	3,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12153174	NGUYỄN KHẮC HÒA	DH12CD				7	1	3,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13137059	NGUYỄN NGỌC HOÀN	DH13NL				0	1	0,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13137062	HỒ THANH HOÀNG	DH13NL				0	1	0,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	13137063	HUỖNH ĐĂNG HOÀNG	DH13NL						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12115011	NGUYỄN VĂN HOÀNG	DH12GN				8	0	3,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	13137068	LÊ VĂN HÙNG	DH13NL						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	13137069	NGUYỄN MẠNH HÙNG	DH13NL				5	1	2,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	13137070	VŨ VIỆT HÙNG	DH13NL				5	1	2,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	13137071	TÔ QUỐC HÙNG	DH13NL				8	1	3,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13137073	NGUYỄN HÙNG KHANG	DH13NL				8	2	4,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13137074	MAI QUANG KHÁNH	DH13NL				8	1	3,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	10153017	NGUYỄN DUY KHÁNH	DH10CD						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	13137076	ĐỖ ĐĂNG KHOA	DH13NL				5	2	3,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	13137079	PHAN ĐĂNG TUẤN	DH13NL				8	1	3,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ học lý thuyết & 207103

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phóng thi TV103 Nhóm : 05 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
52	13137080	LÊ THÀNH KHỐI	DH13NL				40%	60%	2,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	13137081	VŨ ĐÌNH NGUYỄN	DH13NL				7	3	4,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	12118021	BÙI XUÂN LÂM	DH12CC				5	3	3,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	10169029	TRẦN PHAN THỊ THÚY	DH10GN				5	5	5,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	12138118	DƯƠNG HỒNG LĨNH	DH12TD				8	3	5,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	12138072	DƯƠNG VĂN LỘC	DH12TD				6	5	5,4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	11137008	ĐẶNG PHÚC LỘC	DH11CD				8	1	3,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	11138005	HUỖNH THIÊN LỘC	DH11CD						✓	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	12115049	TRẦN HỮU LỰC	DH12CB				8	4	5,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	12115042	VŨ THỊ BẢO NGÂN	DH12GN						✓	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	12115005	NGUYỄN THANH NGỌC	DH12GN				8	5	6,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	12154147	PHẠM HUỖNH ĐẠT NHÃN	DH12OT				3	4	3,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	12115151	PHẠM HOÀNG YẾN NHỊ	DH12GN				5	2	3,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	12153128	LÊ HỒNG PHÚC	DH12CD				7	3	4,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	12115024	NGUYỄN TRẦN ĐĂNG QUANG	DH12CB				7	8	7,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	12115097	TRẦN MẠNH QUYẾT	DH12GN				2	3	2,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	12115302	BÙI NGUYỄN NHƯ QUỲNH	DH12GN				5	1	2,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Mô n Họ c : Cơ họ c lý thuyế t-207103

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏ ng thi TV103 Nhóm : 05 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết t	Tổ trò n điể m phầ n nguyê n	Tổ trò n điể m phầ n lẻ
								40%	60%		
69	12115133	LÊ HOÀNG SON	DH12GB					6	4	4,8	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
70	12115164	NGÔ THỊ THANH TÂM	DH12GN					5	2	3,2	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
71	12118119	NGUYỄN TRUNG TẤT	DH12CK					6	5	5,4	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
72	12115008	BÙI LAN THANH	DH12GN					8	6	6,8	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
73	12154186	LÊ QUÝ THIỆU	DH12OT					3	6	4,8	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
74	12153183	TRẦN THANH THOA	DH12CD					6	8	7,2	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
75	12115125	NGUYỄN THỊ THƠ	DH12GN					3	1	1,8	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
76	12115196	TRẦN THỊ MINH THƯ	DH12GB					8	5	6,2	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
77	12137046	BÙI ANH THƯƠNG	DH12NL					5	1	2,6	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
78	12115305	TRẦN NHẬT TIẾN	DH12GN					8	2	4,4	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
79	12137056	NGUYỄN TẤN TOÀN	DH13NL					2	7	5,0	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
80	12115176	NGUYỄN HOÀI THIÊN TRANG	DH12CB					8	5	6,2	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
81	12115262	NGUYỄN THỊ TRANG	DH12CB					5	3	3,8	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
82	12115156	TRẦN THỊ THÚY TRANG	DH12CB					8	5	6,2	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
83	12115217	NGÔ THỊ BÍCH TRÂM	DH12GN					5	4	4,4	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
84	12115213	PHẠM THỊ BÍCH TRÂM	DH12GB					7	6	6,4	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
85	12115178	TRẦN HOÀNG PHƯƠNG TRÂM	DH12GN					5	1	2,6	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10) (0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phò ng thi TV103 Nhóm : 05 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Kỳ tên	Số tên	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ trò n điểm m phầ n nguyên	Tổ trò n điểm m phầ n lẻ
								402,60%			
86	13137003	NGUYỄN TUẤN TÚ	DH13NL				8	2	4,4	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
87	12153123	THIỀU DUY TÙNG	DH12CD				8	2	4,4	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
88	12344153	TRẦN ĐÌNH TƯỜNG	CD12CI				2	2	2,0	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
89	12153166	VŨ MINH VƯƠNG	DH12CD						✓	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
90	13137004	ĐẶNG THỊ MỸ YẾN	DH13NL						✓	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng ng:

Hiệu n điểm n:

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xá c nhậ n củ a khoa/bộ môn

Cá n bộ chấ m thi 1

Cá n bộ chấ m thi 2

TS. Vũ Văn Tiến

Phong Nguyễn H. Phong

Vũ Văn Tiến

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Cơ học lý thuyết t-207103

Ngày thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi TV302

Nhóm : 11

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi 60%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13118070	LÊ HỒNG ANH	DH13CC	Anh		1,5	0,25	0,25	2,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13118074	VÕ ĐĂNG PHẠM	DH13CC	Pham		1,5	0,5	2,0	4,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13118075	VŨ VĂN ANH	DH13CC	Anh		1,3	0,25	1,25	2,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13118004	NGUYỄN THẾ BẢO	DH13CC	Thế		1,8	0,25	1,25	3,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13118080	NGUYỄN PHÚC BẢO	DH13CC	Bao		1,75	1,0	1,25	4,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13118081	TRẦN THẾ BÌNH	DH13CC							(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118005	ĐỖ THÀNH CHUNG	DH13CC	Chung		1,5	0,8	1,0	3,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13118089	BÙI THANH CƯỜNG	DH13CC	Cuong		1,5	0,3	0,0	1,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13118092	PHẠM HÙNG CƯỜNG	DH13CC	Cuong		1,25	0,25	0,0	1,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13118101	ĐOÀN QUỐC DŨNG	DH13CC	Dung		1,25	0,25	1,0	2,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118102	ĐỖ QUỐC DŨNG	DH13CC							(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13118096	MAI THÀNH DUY	DH13CC	Duy		1,5	1,5	1,8	4,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118100	TRẦN NGUYỄN MINH DUY	DH13CC	Duy		1,75	0,5	3,25	5,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13118009	NGUYỄN VĂN DŨ	DH13CC	Du		1,0	0,5	2,0	3,5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118109	PHẠM ĐẠI	DH13CC	Đại		1,5	0,5	1,3	3,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13118110	PHẠM MINH ĐẠI	DH13CC	Đại		1,0	0,3	0,0	1,3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13118113	PHẠM THÀNH ĐẠT	DH13CC	Thanh		1,5	0,3	0,0	1,8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV302 Nhóm : 11 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tôn trọng điểm phần nguyên	Tôn trọng điểm phần lẻ
18	13118114	TRẦN MINH ĐẠT	DH13CC	<i>Minh</i>		1,5	0,25	0,75	2,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	13118117	NGUYỄN HỮU DIỆP	DH13CC							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	13118012	TRẦN VŨ TÀI	DH13CC	<i>Tài</i>		0,0	0,0	0,0	0,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
21	13118120	TRẦN CƯ	DH13CC	<i>Cư</i>		1,5	0,5	2,0	4,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	13118124	NGUYỄN TRƯỜNG	DH13CC			1,0	0,0	1,8	2,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	13118125	NGUYỄN TRƯỜNG	DH13CC	<i>Trường</i>		1,0	0,0	1,8	2,8	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	13118126	LÊ XUÂN	DH13CC	<i>Xuân</i>		1,75	0,5	4,25	6,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	13118014	BÙI VĂN	DH13CC	<i>Văn</i>		1,5	0,25	0,75	2,5	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	13118129	PHẠM HUỖNH NHẬT	DH13CC			2,0	0,5	0,0	2,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	13118138	NGUYỄN VĂN HIẾU	DH13CC	<i>Hieu</i>		2,0	0,5	0,0	2,5	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	13118146	NGUYỄN QUỐC HÒA	DH13CC	<i>Quốc</i>		1,25	0,25	0,0	1,5	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	13118143	NGUYỄN HỮU HOÀNG	DH13CC							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	13118018	NGUYỄN QUANG	DH13CC	<i>Quang</i>		1,0	0,3	0,0	1,3	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	13118144	NGUYỄN QUANG	DH13CC							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	13118019	VŨ XUÂN	DH13CC							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	13118152	BÙI VĂN HỢI	DH13CC	<i>Hoi</i>		1,5	0,5	3,5	5,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	13118150	VŨ VĂN HON	DH13CC							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Cơ học lý thuyết 1207103

Ngày thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi TV302 Nhóm : 11 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	13118162	HUYỀN ĐỨC	HÙNG	DH13CC	Hùng	1,8	1,0	1,5	4,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13118163	LÂM THÁI	HÙNG	DH13CC	Thái	1,5	0,3	0,0	1,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	13118022	TRẦN ANH	KIỆT	DH13CC	Anh	1,5	0,3	0,5	2,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13118023	ĐOÀN NGUYỄN ANH	KIM	DH13CC	Anh	1,0	0,5	0,0	1,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13118026	NGUYỄN HOÀNG	LINH	DH13CC	Hoàng	1,3	0,5	2,5	4,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13118027	PHẠM LÊ HOÀNG	LONG	DH13CC						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	13118028	TRỊNH THANH	LUÂN	DH13CC		/				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	13118031	TRƯƠNG MINH	NGHĨA	DH13CC	Minh	1,5	0,25	1,25	3,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	13118032	TRƯƠNG QUỐC	NGHĨA	DH13CC	Quốc	1,5	0,3	1,0	2,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	13118034	NGUYỄN MINH	NHÂN	DH13CC	Minh	1,25	0,25	0,5	2,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	13118036	NGUYỄN HÀ DUY	NHẬT	DH13CC	Hà	1,5	0,3	0,5	2,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	13118037	NGUYỄN	NHỰT	DH13CC	Nhựt	1,5	0,25	1,25	3,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13118038	TRẦN CẢNH	PHÚ	DH13CC	Cảnh	1,5	0,3	2,5	4,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13118042	PHẠM HOÀNG	QUÍ	DH13CC	Hoàng	1,3	0,25	1,25	3,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	13118043	NGÔ THÀNH	QUỐC	DH13CC	Quốc	2,0	0,25	2,75	5,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	13118046	KIM THÁI	SƠN	DH13CC	Thái	1,5	0,5	2,0	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	13118048	NGUYỄN CHÍ	TÂM	DH13CC						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV302 Nhóm : 11 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
52	13118052	CAO NGỌC THẬN	DH13CC	<i>pm</i>		1,5	1,0	3,0	5,5	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	13118053	TRẦN THẾ THIÊN	DH13CC	<i>SL</i>		2,0	2,0	4,0	8,0	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	13118056	VÕ ĐỨC TIẾN	DH13CC	<i>Đu</i>		1,8	0,5	1,0	3,3	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	13118061	NGUYỄN DUY TUẤN	DH13CC	<i>tu</i>		2,0	1,0	2,8	5,8	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	12118099	TẠ QUANG TUẤN	DH12CC	<i>tu</i>		1,75	0,75	1,5	4,0	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	13118063	LÊ VĂN TỰOU	DH13CC	<i>tu</i>		1,5	0,25	1,75	3,5	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	13118065	LƯƠNG HOÀI VINH	DH13CC	<i>Vmb</i>		1,75	0,25	1,0	3,0	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	13118066	NGUYỄN THẾ VŨ	DH13CC	<i>tu</i>		1,25	1,0	0,75	3,0	4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 12 Hiện diện : 47

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trương Quang Trung

Phạm Minh Tuấn

Nguyễn Duy

TS. Võ Văn Tiến

Trương Quang Trung

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phò ng thi TV301 Nhóm : 12 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổ trờ n điểm m phầ n nguyên	Tổ trờ n điểm m phầ n lẻ
								40%	60%		
1	10153055	ĐOÀN ANH DUY	DH10CD				2	1	1,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13118168	PHAM VĂN HÙNG	DH13CC				2	2	2,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13118170	HUỖNH MINH KHA	DH13CC				4	5	4,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13118177	ĐÀO VĂN KHÁI	DH13CC						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13118175	NGÔ BÁ KHANH	DH13CC				2	2	2,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13118180	NGUYỄN HỒNG KHÁNH	DH13CC				2	5	3,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13118183	TRƯƠNG NHỰT KHÁNH	DH13CC				3	5	4,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11344026	QUẢNG ĐẠI KHẮM	CD11CI						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13118184	VÕ VĂN KHIÊM	DH13CC				5	1	2,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	08118028	NGUYỄN ANH KỲ	DH08CK				2	2	2,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118190	TRẦN VĂN LA	DH13CC				6	3	4,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13118193	TRẦN NGỌC LẬP	DH13CC						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118194	LÊ HOÀNG LÊ	DH13CC				6	10	8,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13118196	LÊ VĂN LINH	DH13CC				6	6	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118202	NGUYỄN TẤN LỘC	DH13CC				2	5	3,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13118203	NGUYỄN HỮU LỢI	DH13CC				6	7	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11154060	ĐOÀN THẾ LUÂN	DH11OT				6	2	3,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phò ng thi TV301 Nhóm : 12 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô trỏ n điểm phầ n nguyên	Tô trỏ n điểm phầ n lẻ
							40	60			
18	13118210	NGUYỄN PHẠM NHẬT MINH	DH13CC						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	13118212	ĐẶNG KỲ	DH13CC						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	10153077	NGUYỄN THÀNH	DH10CD				5	3	3,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13118220	NGUYỄN NGỌC	DH13CC				1	1	1,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13118227	PHAN VĂN NHỰT	DH13CC				8	5	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13118233	LÊ CÔNG TẤN	DH13CC						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13118236	ĐẶNG ĐÌNH PHỐ	DH13CC				2	5	3,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13118240	HUỶNH HỮU PHƯỚC	DH13CC				2	5	3,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13118238	HÀ THANH PHƯƠNG	DH13CC				2	5	3,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13118250	BẠCH ĐÌNH QUYẾT	DH13CC				2	5	3,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13118257	VŨ TUẤN SƠN	DH13CC				6	1	3,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13118260	LÊ NGUYỄN THÀNH TÀI	DH13CC				6	3	4,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13118266	HUỶNH THANH TÂM	DH13CC				4	4	4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13118267	TRƯƠNG MINH TÂM	DH13CC				2	1	1,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13118268	TRẦN VĂN TÂY	DH13CC						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13118278	HUỶNH NGỌC THẠCH	DH13CC				5	4	4,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13118272	TRINH VĂN THANH	DH13CC						✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phò ng thi TV301 Nhóm : 12 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
							40%	60%			
35	13153211	HUỖNH VÕ MINH	THẮNG	DH13CD			3	1	1,8	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
36	13118284	LÂM VĂN	THIỆT	DH13CC			1	3	2,2	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
37	13118292	NGUYỄN MINH	TIỀN	DH13CC			2	1	1,4	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
38	13118294	ĐỖ THANH	TIẾN	DH13CC			2	1	1,4	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
39	13118298	NGUYỄN VĂN	TIỀN	DH13CC			1	1	1,0	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
40	13118365	TRẦN VĂN	TỊNH	DH13CC			7	6	6,4	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
41	13118306	NGUYỄN CHU	TOÀN	DH13CC			4	1	2,2	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
42	13118308	PHẠM VĂN	TRẮNG	DH13CC			6	4	4,8	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
43	13118314	NGUYỄN THANH	TRỌNG	DH13CC			5	2	3,2	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
44	13118315	BÙI MINH	TRUNG	DH13CC					✓	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
45	13118318	NGUYỄN ĐỨC	TRUNG	DH13CC			6	5	5,4	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
46	13118319	NGUYỄN HUY	TRUNG	DH13CC			1	2	1,6	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
47	13118323	BÙI VĂN	TRUYỀN	DH13CC			2	4	3,2	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
48	13118324	PHẠM NGỌC	TRUYỀN	DH13CC			6	3	4,2	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
49	13118326	NGUYỄN NHỰT	TRƯỜNG	DH13CC			2	1	1,4	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
50	13118331	HOÀNG VĂN	TUẤN	DH13CC			6	1	3,0	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
51	13118333	NGUYỄN ANH	TUẤN	DH13CC			6	2	3,6	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ học lý thuyết-207103

Ngày Thi : 26/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phóng thi TV301 Nhóm : 12 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tôn trọng điểm phần nguyên	Tôn trọng điểm phần lẻ
52	13118334	NGUYỄN DUY TUẤN	DH13CC				40%	60%	2,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	13118338	PHẠM MINH TUẤN	DH13CC				6	1	3,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	13118342	NGUYỄN XUÂN TÙNG	DH13CC				5	3	3,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	13118347	MAI HOÀI TỰ	DH13CC				3	7	5,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	13118349	DƯƠNG ĐỨC VINH	DH13CC				2	2	2,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	13118353	HOÀNG ĐỨC VŨ	DH13CC				2	3	2,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	13118354	LÊ LƯƠNG TUẤN	DH13CC				2	2	2,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	13118357	TRẦN ANH VŨ	DH13CC						✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	13118360	ĐÀO THỊ HẢI YẾN	DH13CC				6	3	4,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiệu điểm:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

N.H.Đặng

VC. Kiều Thái Cường

Phong Nguyễn H. Phong

VC. Vĩnh Hằng Triều

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ kỹ thuật-207104

Ngày Thi : 27/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi PV400B Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	11344001	NGUYỄN VIỆT ANH	CD11CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11158064	HỒ THỊ NGỌC ANH	DH11SK				1.5	4.5	5.8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10344033	DƯƠNG KỲ AN	CD10CI				0.7	3.3	4.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11344055	NGUYỄN THANH BÌNH	CD11CI				1.6	5.4	7.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	09158009	TRẦN TÚ DŨNG	DH09SK				0.3	1.3	1.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	08158034	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	DH08SK							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12344036	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	CD12CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12344079	HUỖNH VĂN ĐIẾP	CD12CI				1.5	1.3	2.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11344022	NGUYỄN HOÀNG ĐIẾP	CD11CI				1.0	6.5	7.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11158051	HUỖNH THỊ BÍCH HẠNH	DH11SK				1.5	6.5	8.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11344013	PHAN NGUYỄN PHÚC HẬU	CD11CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11344021	NGUYỄN THỊ HOA	CD11CI				1.4	4.8	6.2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10344082	NGUYỄN HỮU HOÀNG	CD10CI				1.5	4	5.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10344063	VŨ THỊ HÓN	CD10CI				1.5	7.3	8.8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12344187	HỒ TRẦN HUY	CD12CI				1.5	3	4.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10344008	NGUYỄN THANH HUY	CD10CI				1.5	4.5	6.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11344027	NGUYỄN HOÀNG XUÂN KHANG	CD11CI				1.4	6	7.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Cơ kỹ thuật-207104

Ngày Thi : 27/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phóng thi PV400B Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	11344026	QUẢNG ĐẠI	KHẮM	CD11CI			0.9	1.3	2.2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	11158079	NGUYỄN MINH	KHƯƠNG	DH11SK			1.3	3.5	4.8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12344158	NGO VŨ	LINH	CD12CI			1.2	5	6.2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10344026	TRẦN GIANG	LINH	CD10CI			1.8	2.8	4.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11344060	NGUYỄN XUÂN THẮNG	LỢI	CD11CI			1.4	1	2.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12344084	NGUYỄN NHƯ	LUÂN	CD12CI			1.4	6	7.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11344063	TRIỆU CÁ	MÙN	CD11CI			1.5	4	5.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10344047	TRẦN ĐỨC	MỸ	CD10CI			1.7	5.3	7.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11344035	NGUYỄN KHOA	NAM	CD11CI			1.6	4.5	6.1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11158102	TRẦN NGỌC	NGHĨA	DH11SK			1.7	5	6.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11344048	LÊ VĂN	NGOÂN	CD11CI			1.3	6	7.3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11344030	LÊ MINH	NHÂN	CD11CI			1.8	5	6.8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12344100	PHẠM QUỲNH	NINH	CD12CI			1.0	0	1.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11344066	LÊ TẤN	PHÁT	CD11CI			1.6	7	8.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12344103	PHẠM VĂN	PHÁT	CD12CI			1.7	7.5	9.2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12344155	NGUYỄN VĂN	PHÊ	CD12CI			1.4	3.5	4.9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12344185	NGUYỄN THANH	PHONG	CD12CI			1.1	2.5	3.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Cơ kỹ thuật t-207104

Ngày thi : 27/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phóng thi PV400B Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	12344105	BÙI VĂN	PHÚ	CD12CI			0.9	1.5	2.4	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
36	11344037	VÕ PHI	PHỤNG	CD11CI			1.5	3.5	5.0	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
37	11344038	LÂM TUẤN	QUANG	CD11CI			1.4	5	6.4	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
38	11344065	PHẠM QUỐC	SINH	CD11CI			1.2	4	5.2	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
39	12344046	HOÀNG XUÂN	TÀI	CD12CI			0.8	5	5.8	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
40	11344067	NGUYỄN TÂN	TÀI	CD11CI			1.6	6	7.6	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
41	12344116	ĐỖ VĂN	THANH	CD12CI			1.2	1	2.2	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
42	11344041	NGUYỄN VĂN	THẢO	CD11CI			1.5	3.8	5.3	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
43	11344036	ĐỖ VĂN	THẮNG	CD11CI			1.2	2.5	3.7	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
44	12344111	VÕ TẤN	THIỆN	CD12CI			1	2	3.0	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
45	12344192	NGUYỄN VĂN	THỜI	CD12CI			0.8	1	1.8	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
46	12344128	VÕ MINH	THUẬN	CD12CI			1.1	3.5	4.6	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
47	10344071	DƯƠNG VŨ MINH	TIẾN	CD10CI						(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
48	11158039	NGUYỄN THỊ THÚY	TIẾN	DH11SK			1.2	1	2.2	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
49	12344181	VĂN ĐỨC	TOÀN	CD12CI			0.7	0	0.7	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
50	12344183	NGUYỄN VĂN	TRÂM	CD12CI			0.7	1	1.7	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
51	12344137	LÊ HIẾU	TRUNG	CD12CI			0.9	0.5	1.4	(v) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Cơ kỹ thuật-207104

Ngày thi : 27/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV4008 Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
							20	80			
52	11344059	TRẦN QUANG	TRƯỜNG	Trần			1.3	3.5	4.8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	12344144	LOAN THANH	TUẤN	Loan			1.4	6.8	8.2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	11344047	NGUYỄN MINH	TUẤN	Minh			1.7	7.3	9.0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	12344149	HOÀNG DUY LINH	TUYẾN							(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	11344051	TRẦN THANH	VŨ	Trần			1.3	4.5	5.8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	11344058	NGUYỄN MINH	VƯỢNG	Minh			1.4	8	9.4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 6

Hiệu diện : 51

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trần
N.V. Kiệp

Nguyễn Thanh
Nguyễn Thanh

TS. Văn Tuấn

Trần Quang Tuấn

TS. Võ Thanh Tiến

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Dung sai và kỹ thuật đo lường-207107

Ngày Thi : 17/06/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi TV301 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm m T. kết	Tổng điểm môn học	Tổng điểm môn học
1	13118070	LÊ HỒNG ANH	DH13CC	Anh	2,4	1,8		4,2			
2	12154037	TRẦN THIÊN AN	DH12OT	An	2,3	4,5		6,8			
3	12118016	LÝ PHAN BÌNH	DH12CC	V				V			
4	12118015	NGUYỄN HỮU CHIẾN	DH12CC	Chiến	2,9	2,6		5,5			
5	10154058	ĐÀU VĂN CÔNG	DH10OT	Công	1,4	4		5,4			
6	12344022	NGUYỄN HOÀNG CÔNG	CD12CI	Công	0,5	1,9		2,4			
7	12154062	ĐỖ VĂN DUY	DH12OT	Duy	2,4	3,7		6,1			
8	12344163	VĂN VĂN DUY	CD12CI	Duy	2,0	0,7		2,7			
9	12154075	NGUYỄN TẤT ĐẠT	DH12OT	Tất	3,3	4,7		5,0			
10	12154148	NGUYỄN TRIỆU ĐÌNH	DH12OT	Đình	1,2	0,8		2,0			
11	12154085	LÊ ĐÌNH TRƯỜNG	DH12OT	Trường	2,0	1,8		3,8			
12	12344143	HỒ VĂN HA	CD12CI	V				V			
13	12118002	BÙI VĂN HAI	DH12CC	Hai	2,9	1,2		4,1			
14	12154004	HỒ ĐỨC HẠNH	DH12OT	Hạnh	3,4	1,2		4,6			
15	13118014	BÙI VĂN HẢO	DH13CC	Hảo	1,9	0,5		2,4			
16	12344049	NGUYỄN PHÚC HẬU	CD12CI	Hậu	1,6	0,2		1,8			
17	12118036	TRẦN VĂN HIỆP	DH12CC	Hiệp	3,6	2,7		6,3			

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Dung sai và kỹ thuật đo lường - 207107

Ngày thi : 17/06/14 Giờ thi: 09g30 - phút

Phòng thi TV301

Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số thứ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tôn trọng điểm phần nguyên	Tôn trọng điểm phần lẻ
18	12115289	ĐỖ NGỌC HIẾU	DH12CB	Hieu		3,9	1,3	5,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12154104	ĐẶNG NGỌC HÒA	DH12OT	V				V		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12154082	NGUYỄN THANH HÒA	DH12OT	Tha		1,4	1,8	3,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12118038	NGUYỄN XUÂN HÒA	DH12CK	HL		1,8	0,8	2,6		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12154032	CAO VĂN HOAN	DH12OT	Hoan		3,4	1,8	5,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154102	TRẦN TUẤN HOÀNG	DH12OT	Hu		3,3	0,7	4,0		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11344020	TRẦN VĂN HỒ	CD11CI	Hu		1,5	1,2	2,7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12154110	TRẦN DUY HÙNG	DH12OT	Duy		2,6	2,8	5,4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12118042	NGUYỄN DƯƠNG HOÀNG HUY	DH12CC	Hu		2,9	1	3,9		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12118029	NGUYỄN TẤT HUY	DH12CK	V				V		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12115207	TRẦN HÀ HƯƠNG	DH12CB	Hu		4,0	1,2	5,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12154015	NGUYỄN THIÊN KHAI	DH12OT	Tha		2,4	1,8	4,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12154118	NGUYỄN BÌNH KHÁNH	DH12OT	Binh		4,1	3,1	7,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12344198	CAI TRUNG KIẾT	CD12CI	Kiet		1,2	2,3	3,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12118021	BÙI XUÂN LÂM	DH12CC	Bu		2,2	2	4,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12154232	NGUYỄN VIỆT LÂM	DH12OT	Lam		3,3	1	4,3		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12118100	PHAN THANH LÊ	DH12CK	Tha		3,6	1,8	5,4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Dung sai và kỹ thuật đo lường-207107

Ngày Thi : 17/06/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi TV301 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	12115318	HỒ THUY	LINH	DH12CB			3,3	2,8		6,1		
36	12154259	TRẦN KIM	LỘC	DH12OT			2,5	1,5		4,0		
37	12344080	NGUYỄN THÀNH	LỢI	CD12CI			1,9	0,8		2,7		
38	12344084	NGUYỄN NHƯ	LUÂN	CD12CI			3,7	2		5,7		
39	12154239	NGUYỄN VĂN	LUÂN	DH12OT			1,6	0		1,6		
40	12344082	LÊ VĂN	LUYỆN	CD12CI			3,3	1,8		5,1		
41	11344063	TRIỀU CÁ	MÙN	CD11CI			2,3	2,1		4,4		
42	12154070	VŨ HỮU	NGHĨA	DH12OT			4,3	3,0		7,3		
43	12154146	PHAN TRỌNG	NHÂM	DH12OT			2,0	1,6		3,6		
44	12154147	PHẠM HUỖNH ĐẠT	NHÂN	DH12OT			2,5	1,8		4,3		
45	12118068	VŨ VĂN	NHÂN	DH12CC			3,1	2,1		5,2		
46	12115108	NGUYỄN THÁNH	NHƠN	DH12CB			2,8	1,8		4,6		
47	12344155	NGUYỄN VĂN	PHỄ	CD12CI			2,3	0,5		2,8		
48	12115150	PHẠM CÔNG	PHÚ	DH12OT			2	0,8		2,8		
49	11158016	LÊ VĂN	PHÙNG	DH11SK			0	1		1,0		
50	12154163	ĐÀO THANH	PHƯỚC	DH12OT			2,5	1,2		3,7		

Số lượng vắng mặt:

Hiện diện:

Cá nhân coi thi 1

Cá nhân coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá nhân chấm thi 1

Cá nhân chấm thi 2

Le Văn Ban

Đào Trọng Nam

Vương Anh Bình

Le Văn Ban

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Mô n H c : Dung sai và kỹ thuật đo lường-207107

Ngày thi : 17/06/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phò ng thi TV302 Nhóm m : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12115153	ĐẶNG HOÀI	PHƯƠNG	DH12CB	Đạt	2,1	3,5	5,6		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12115310	LÊ THỊ HỒNG	PHƯƠNG	DH12CB	Đạt	3,2	2,8	6,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154090	TRẦN HỮU	PHƯƠNG	DH12OT	Phường	4,3	1,5	5,8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154167	NGUYỄN VĂN	QUÁ	DH12OT	Quá	3,1	3	6,1		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12154247	NGUYỄN CHÁNH	QUANG	DH12OT	Chánh	2,8	3	5,8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12118114	TÔ NGỌC	QUANG	DH12CC	Ngọc	2,1	2,5	4,6		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154164	TRẦN XUÂN	QUANG	DH12OT	Xuân	2,4	4	6,4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154235	NGUYỄN ĐÌNH	QUÝ	DH12OT	Đình	2,3	3,2	5,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12115203	THẦN THỊ MỘNG	QUỲNH	DH12CB	Mộng	3,0	3,6	7,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11344065	PHẠM QUỐC	SINH	CD11CI	Quốc	2,8	4,3	7,1		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12118022	ĐÌNH CÔNG	SƠN	DH12CX	Công	2,9	2	4,9		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12118082	LÊ VĂN	SƠN	DH12CX	Văn	3	1,8	4,8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154109	TRẦN QUỐC	SƠN	DH12OT	Quốc	4,1	3,8	7,9		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154236	TRỊNH THANH	SƠN	DH12OT	Thanh	3,3	4,2	7,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154083	LÊ THANH	TÂM	DH12OT	Thanh	4,4	3	7,4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12344113	VŨ THIÊN	TÂM	CD12CI	Thiên	3,1	1,5	4,8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12118119	NGUYỄN TRUNG	TẤT	DH12CX	Trung	3,4	1,5	4,9		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Dung sai và kỹ thuật đo lường-207107

Ngày Thi : 17/06/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV302 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	08118015	LƯƠNG HOÀNG THÁI	DH08CK			1,8	2,7	4,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12154178	PHAN QUỐC THÁI	DH12OT			2,2	2	4,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12115257	TRẦN THỊ LAN	DH12CB			4,1	1,7	5,8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12154179	TRẦN TRUNG THÀNH	DH12OT			2,6	2	4,6		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12154021	TRẦN VĂN THẮNG	DH12OT			2,7	4,2	6,9		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154185	NGUYỄN VĂN THIỆN	DH12OT			2,5	3,3	5,8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12344111	VÕ TẤN THIỆN	CD12CI			2,2	3	5,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	10154044	LÊ TRƯƠNG TRƯỜNG	DH10OT			2,6	3	5,6		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12344124	LƯƠNG ĐỨC THÔNG	CD12CI			2,7	1,7	3,7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13115398	ĐINH THỊ THU	DH13GB			1,7	1,5	3,2		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12154177	NGUYỄN THÀNH THUẬN	DH12OT			1,8	1,7	3,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	09119027	MAI VĂN THỨC	DH09CC			2,6	1,7	4,3		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12154192	TRẦN VĂN TIỀN	DH12OT			3,4	2	5,4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13118306	NGUYỄN CHU TOÀN	DH13CC			2,6	2	4,6		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12154197	TRẦN NGỌC TOÀN	DH12OT			2,1	2,3	4,4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12344181	VĂN ĐỨC TOÀN	CD12CI			1,5	2	3,5		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12154199	NGUYỄN THANH TÔNG	DH12OT			1,3	0,8	2,1		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Mô n Hợ c : Dung sai và kỹ thuật đo lường-207107

Ngày Thi : 17/06/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phò ng thi TV302 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổ trò n điểm m phầ n nguyên	Tổ trò n điểm m phầ n lẻ
35	12115176	NGUYỄN HOÀI THIÊN	TRANG	DH12CB	Uanah	5	4,1	9,1		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12344183	NGUYỄN VĂN	TRÂM	CD12CI	Trâm	2	1,7	3,7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	12154201	NGUYỄN THANH	TRỌNG	DH12OT	Trọng	1,7	1,7	3,4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12344137	LÊ HIẾU	TRUNG	CD12CI	Trung	2,1	2,3	4,4		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11344054	NGUYỄN HOÀNG	TRUNG	CD11CI	Trung	3,0	2,3	5,3		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12115218	TRẦN LÊ CẨM	TÚ	DH12CB	Tru	2,1	0,6	2,7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12344152	VƯƠNG NHƯ	TÚ	CD12CI	Wu	1,2	0,5	1,7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12118055	NGUYỄN TRUNG	TUẦN	DH12CK	Trung	3,5	0,8	4,3		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12154065	ĐÌNH LÊ HOÀNG	TUẦN	DH12OT	Trung	2,1	0,7	2,8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12154208	NGUYỄN HOÀNG	TUẦN	DH12OT	Trung	1,3	1,5	2,8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12154156	NGUYỄN MINH	TUẦN	DH12OT	Tru	1,8	1,5	2,8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12118099	TA QUANG	TUẦN	DH12CC	Tru	2,5	2,2	4,7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12154241	NGUYỄN ĐỨC	TÙNG	DH12OT	Tru	2,2	1,5	3,7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12118103	TỔNG THANH	VINH	DH12CC	Tru	1,9	1,9	3,8		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12118106	PHẠM VĨNH	VŨ	DH12CC	Tru	2,5	2,2	4,7		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12154013	LÝ KIM	XÀI	DH12OT	Tru	2,1	1,2	3,3		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng ng vắ ng: 0

Hiệ n diệ n: 50

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xá c nhậ n củ a khoa/bộ mỗ n

Cá n bộ chấ m thi 1

Cá n bộ chấ m thi 2

Trần Đức

Trần Thị Phương Thảo

Võ Đình Bình

Lê Văn Bình

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Nguyên lý máy-207111

Ngày Thi : 10/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV315 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi 70	Điểm T. kế t	Tổng điểm phần nguyên	Tổng điểm phần lẻ
1	13334001	VÕ NGỌC AN	CD13CI	An	-	0	1	1	2	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13334005	LÊ THANH TÚ	CD13CI	Thanh	-	-	-	1	1	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13334010	ĐOÀN TRI	CD13CI	Tri	-	0.5	1	2	3.5	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13334016	TRẦN THANH BÌNH	CD13CI	Binh	-	0.2	1	2	3.2	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13334018	NGUYỄN VĂN CẢNH	CD13CI	Canh	-	-	2	2	4.0	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13334025	VI VĂN CHƯƠNG	CD13CI	Chuong	-	0.5	2	2.5	5.0	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13334030	NGUYỄN THÀNH DANH	CD13CI	Danh	-	-	-	-	-	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13334034	BÙI XUÂN DUY	CD13CI	Duy	-	-	-	-	-	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13334037	TRẦN THANH DUY	CD13CI	Duy	-	-	-	1.5	1.5	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13334041	NGUYỄN THÁI DƯƠNG	CD13CI	Duong	-	-	-	-	-	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13334042	NGUYỄN TRIỆU DƯƠNG	CD13CI	Duong	-	0.2	1	1.5	2.7	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13334046	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	CD13CI	Dat	-	-	-	-	-	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13334047	TRẦN QUỐC ĐẠT	CD13CI	Dat	-	-	1	1	2	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13334253	TRẦN TIẾN ĐẠT	CD13CI	Dat	-	-	-	1	1	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13334048	NGÔ HUỖNH ĐĂNG	CD13CI	Dang	-	-	-	1	1	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13334049	NGUYỄN HUY ĐÔNG	CD13CI	Dong	-	0.2	1	1.5	2.7	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13334050	NGUYỄN TẤN ĐỨC	CD13CI	Duc	-	0.5	2	3	5.5	10 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nguyên lý máy - 207111

Ngày Thi : 10/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi PV315

Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	13334051	NGUYỄN VĂN ĐỨC	CD13CI	<i>Đức</i>		16	20	1.5	1.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	13334056	TRẦN ANH	CD13CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13334061	NGUYỄN THẾ HIỀN	CD13CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13334062	NGUYỄN VĂN HIỀN	CD13CI	<i>M</i>		1	1	1	2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13334070	THÁI MINH HIỆP	CD13CI	<i>Minh</i>		2	4	6	6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13334067	PHAN DUY HIẾU	CD13CI	<i>H</i>		1.5	3	4.5	4.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13334074	LƯƠNG VĂN HOÀNG	CD13CI	<i>Hoàng</i>		0.2	2	3.5	5.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 6

Hiệu điểm : 18

Cá n bộ coi thi 1

Cá n bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá n bộ chấm thi 1

Cá n bộ chấm thi 2

Trương Quang Trọng

Phan Minh Hiền

TS. Võ Văn Tiến

Trương Quang Trọng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Nguyễn Lý mã y-207111

Ngày thi : 10/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi PV319 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	13334075	NGUYỄN HUY HOÀNG	CD13CI			1	1	2	3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13334077	ĐƯỜNG KHOA	CD13CI			0.2	1	4	4.2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13334085	NGUYỄN VĂN HÙNG	CD13CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13334087	VÕ HÙNG	CD13CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13334078	BIỆN NGÔ SỸ	CD13CI			1	1	1	2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13334079	ĐINH LÂM	CD13CI			1	1	2	3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13334080	LÊ VĂN HUY	CD13CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13334081	NGUYỄN BÁ	CD13CI			1	1	1	1.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13334083	PHAN TẤN	CD13CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13334090	TRẦN DUY HÙNG	CD13CI			1	1	1	2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13334092	NGUYỄN VĂN HỮU	CD13CI			0.2	1	1	2.2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13334093	ĐINH HOÀI KHA	CD13CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13334099	TRẦN HỮU KHÁNH	CD13CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13334256	LÊ ANH KHOA	CD13CI			1	1	1	2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13334102	PHẠM TRUNG KIẾN	CD13CI			0.2	1	2.5	3.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13334104	NGÔ TẤN LÂM	CD13CI			1	1.5	1	2.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13334105	NGUYỄN ÁNH SƠN	CD13CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Nguyên lý máy - 207111

Ngày thi : 10/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi PV319

Nhóm : 01

Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	13334106	NGUYỄN VĂN LÂN	CD13CI	<i>[Signature]</i>	2	-	1.5	1.5	3.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	13334110	LÊ PHƯỚC LỘC	CD13CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13334111	TRẦN VĂN LỘC	CD13CI	<i>[Signature]</i>		0.5	1	1	2.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13334113	MAI VĨNH LỢI	CD13CI	<i>[Signature]</i>		0.5	1	1	2.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13334114	NGUYỄN THÀNH LUÂN	CD13CI	<i>[Signature]</i>		-	-	1	1.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13334116	HỒ SỸ LỰC	CD13CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13334117	NGUYỄN CÔNG LỰC	CD13CI	<i>[Signature]</i>		0.2	2	3.1	5.3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng mặt: 09

Hiệu điểm : 15

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

[Signature]
N.V. Kiệp

[Signature]
Kiệp và Đức

[Signature]
B. Văn Đức

[Signature]
Trần Quang Trọng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nguyên lý mã Y-207111

Ngày Thi : 10/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi PV323 Nhóm : 01 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	13334119	NGUYỄN THANH LÝ	CD13CI	<i>Thanh</i>		1	1.5	1.5	3.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13334121	CHÂU QUANG MINH	CD13CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13334124	ĐẶNG THANH NAM	CD13CI	<i>Thanh Nam</i>		0.5	1.5	1.5	3.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13334129	PHẠM CÔNG NGHĨA	CD13CI	<i>Pham</i>		1	1.5	1.5	3.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13334131	VÕ KHÁNH NGUYỄN	CD13CI	<i>Võ</i>		1	1.5	1.5	3.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13334133	LÊ HỮU NHÂN	CD13CI	<i>Le Huu</i>		0.5	2	3	5.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13334135	NGUYỄN MINH NHẬT	CD13CI	<i>Minh</i>		1	2	3.5	6.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13334137	NGÔ SĨ PHÁT	CD13CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13334138	ĐINH VĂN PHI	CD13CI	<i>Phi</i>		0.2	2	1	3.2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13334143	NGUYỄN HỒNG PHÚ	CD13CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13334145	HUYỀN XUÂN PHÚC	CD13CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13334147	NGUYỄN HOÀNG THIÊN PHÚC	CD13CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13334152	VŨ CÔNG QUANG	CD13CI	<i>Quang</i>		1	1	1.5	1.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13334154	NGUYỄN VĂN QUÍ	CD13CI	<i>Quí</i>		0.5	1	1.5	3.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13334155	NGUYỄN TẤN QUỐC	CD13CI	<i>Quoc</i>		0.5	1.5	1	3.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13334159	HUYỀN LÊ SANG	CD13CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13334161	ĐẶNG CHIÊU SINH	CD13CI	<i>Sinh</i>		0.2	2	3.8	6.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nguyễn Lý má y-207111

Ngày Thi : 10/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phó ng thi PV323 Nhóm : 01 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
18	13334167	LẠI ĐỨC	TÀI	CD13CI						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	13334168	LÊ TẤN	TÀI	CD13CI						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13334169	NGUYỄN VĂN	TÀI	CD13CI		0.5	1	1.5	3.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13334170	TỔNG MINH	TÀI	CD13CI		0.5	1.5	3	5.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13334171	TRẦN TẤN	TÀI	CD13CI		0.2	1	1	2.2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13334172	NGUYỄN MINH	TÂM	CD13CI		-	1	2	3.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13334182	PHAN VĂN	THẠCH	CD13CI		0.1	2	7	10.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13334175	ĐOÀN THIÊN	THANH	CD13CI		0.5	1	2	3.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13334179	PHAN VĂN	THÀNH	CD13CI		-	-	1.5	1.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13334181	TRẦN VĂN	THÀNH	CD13CI		-	1	1.5	2.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13334188	NGUYỄN NGÔ MINH	THẾ	CD13CI						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13334189	ĐẶNG TUẤN	THỊ	CD13CI		-	-	1.5	1.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13334193	VŨ ĐỨC	THIỆN	CD13CI		-	1	1	2.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13334197	TRƯƠNG TRỌNG	THỊNH	CD13CI						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13334204	NGUYỄN HỒNG	THUẬN	CD13CI		0.5	1.5	1	3.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13334208	NGUYỄN MANH TRẦN	TIỀN	CD13CI						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13334209	PHẠM THÀNH	TIỀN	CD13CI		0.3	2	1.7	4.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nguyễn Lý mã y-207111

Ngày Thi : 10/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi PV323 Nhóm : 01 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	13334212	LÂM QUỐC TIẾN	CD13CI	<i>tiến</i>		0.2	1.5	1	2.7	☒ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
36	13334214	TRẦN QUỐC TÍN	CD13CI	<i>tin</i>		0.5	-	2	2.5	☒ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
37	13334215	PHẠM MINH TOÀN	CD13CI	<i>minh</i>		0.5	2	2	4.5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
38	13334216	PHẠM VĂN TOÀN	CD13CI	<i>toan</i>		-	-	1	1.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
39	13334218	TRẦN VĂN TRẠNG	CD13CI	<i>trang</i>		-	1	1.5	2.5	☒ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
40	13334222	TỬ HỮU TRÍ	CD13CI	<i>tri</i>		-	-	1.3	1.3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
41	13334219	NGUYỄN VĂN TRIỀU	CD13CI	<i>trieu</i>		-	1	1.5	2.5	☒ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
42	13334226	ĐẶNG TRUNG	CD13CI	<i>trung</i>		0.2	2	1.5	3.7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
43	13334227	PHẠM THANH TRUNG	CD13CI	<i>trung</i>		0.5	1.5	1	3.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
44	13334236	PHẠM MINH TÚ	CD13CI	<i>tu</i>		0.2	1.5	2.5	4.2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
45	13334233	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	CD13CI							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
46	13334234	ĐOÀN THANH TÙNG	CD13CI							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
47	13334240	HỒ HOÀI VIÊN	CD13CI							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
48	13334244	LÊ QUANG VINH	CD13CI	<i>vinh</i>		-	2	2.5	4.5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
49	13334249	NGUYỄN TẤN VINH	CD13CI	<i>vinh</i>		-	-	1.5	1.5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
50	13334250	LÂM VĂN HOÀI XUÂN	CD13CI							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
51	13334252	NGUYỄN TẤN NHƯ Ý	CD13CI	<i>nhu</i>		-	2	3.1	5.1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nguyễn lý mã y207111

Ngày Thi : 10/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi PV227 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (40%)	Đ 2 (40%)	Điểm thi 70	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12344005	LÊ TRƯỜNG AN	CD12CI	<i>[Signature]</i>	1	1	0,5	1,3	2,8	☒ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	13334004	LÊ QUỐC ANH	CD13CI							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	11344001	NGUYỄN VIỆT ANH	CD11CI							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	11344004	ĐOÀN VŨ THIÊN AN	CD11CI	<i>[Signature]</i>	1	-	1,5	5	6,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	11344055	NGUYỄN THANH BÌNH	CD11CI	<i>[Signature]</i>	1	0,5	1,5	1,8	8,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	12153001	TRẦN QUỐC BỬU	DH12CD	<i>[Signature]</i>	1	1	1,5	5	7,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	12153031	LÊ VĂN CẢNH	DH12CD	<i>[Signature]</i>	1	1	1	2	4,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	12153036	HŨA THANH CHUNG	DH12CD	<i>[Signature]</i>	2	1	1	4,2	6,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	12153039	LƯƠNG HOÀNG CHƯƠNG	DH12CD	<i>[Signature]</i>	1	-	1	1,5	2,5	☒ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	10154058	ĐẬU VĂN CÔNG	DH10OT	<i>[Signature]</i>	1	-	1	4	5,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	13334033	NGUYỄN VĂN DÂN	CD13CI							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	10153055	ĐOÀN ANH DUY	DH10CD							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	12344032	NGUYỄN TRÚNG DƯƠNG	CD12CI	<i>[Signature]</i>	1	0,5	1,5	1,3	3,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	12344033	TRẦN ĐẠI	CD12CI	<i>[Signature]</i>	1	1	1,5	1,5	4,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	12153048	TRẦN VĂN ĐẠT	DH12CD	<i>[Signature]</i>	1	1	1	1,3	3,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	12153062	NGUYỄN VĂN ĐỨC	DH12CD	<i>[Signature]</i>	2	1	2	5	8,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	13118011	TRẦN ĐÌNH ĐỨC	DH13CX							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nguyên lý mã y-207111

Ngày Thi : 10/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi PV227 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	12154222	LÊ QUANG HÒA	DH12OT	Hoà	1	0.5	1.5	3	5.0	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
19	11154007	ĐẶNG MINH HOÀNG	DH11OT	Đặng Minh Hoàng	1	1	1	6	8.0	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	09118006	VÕ BÀ	CD12CI	Võ Bà	1	-	-	1	1.0	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	12118113	PHAN THÁI HỌC	DH12CK	Học	2	1	1.5	3.5	6.0	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	12344187	HỒ TRẦN HUY	CD12CI	Huy	1	1	1.5	2.2	4.7	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	11154063	TRẦN HOÀNG HUY	DH11OT	Huy	2	1	2	6	9.0	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	13138006	ĐÀO THANH HỮU	DH13TD	Thanh Hữu	1	-	1.5	1	2.5	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng : 5

Hiện diện : 19

Cán bộ coi thi 1

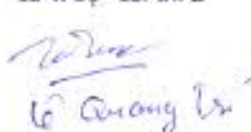
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

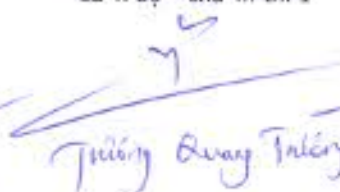
Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Vũ Văn Tiến


Lê Quang Tiến


Lê Văn Khoa


Trương Quang Tiến

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nguyên lý máy - 207111

Ngày thi : 10/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi PV325 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12154119	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	DH12OT	<i>1 Khoa</i>		1	1	1	3.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	09153053	PHÙNG ĐĂNG KHOA	DH09CD	<i>1 Khoa</i>		-	-	4	4.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	11169014	ĐOÀN MAI MINH KHÔI	DH11GN	<i>1 Khoa</i>	2	1	1.8	4.5	7.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	12344068	TRẦN VĂN LAI	CD12CI	<i>SLA</i>	2	1	1	3	5.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	12138062	TĂNG VÕ LÂM	DH12TD	<i>Lê</i>	2	-	2	5	7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	10134011	NGUYỄN PHÚC LONG	DH10GB	<i>Long</i>		-	1.5	1	2.5	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	11138005	HUỖNH THIÊN LỘC	DH11CD							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	12154142	NGUYỄN ĐOÀN LỘC	DH12OT	<i>Ng</i>		-	1.5	2	3.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	12154239	NGUYỄN VĂN LUÂN	DH12OT	<i>Văn</i>		-	-	2.5	2.5	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	12344082	LÊ VĂN LUYỆN	CD12CI	<i>Luyện</i>		0.5	1.5	4.4	6.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	12153179	ĐINH QUANG LƯƠNG	DH12CD	<i>Quang</i>		-	1.5	3	4.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	11138009	PHẠM MINH LÝ	DH11CD	<i>Minh</i>		1	1.5	5	7.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	10115017	ĐOÀN VĂN MẠNH	DH10CB	<i>Đ</i>		-	1.5	1	2.5	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	12153007	HÀ TRUNG NGHĨA	DH12CD							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	12153067	PHÙNG THÁI NHÂN	DH12CD	<i>Ph</i>		1	1	1.8	3.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	13118225	TRẦN VĂN NHÂN	DH13CK							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	12344186	HUỖNH DUY PHÁT	CD12CI	<i>Phát</i>		0.5	1	2	3.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nguyên lý máy y-207111

Ngày Thi : 10/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phò ng thi PV325 Nhóm m : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô trờ n điể m phầ n nguyên	Tô trờ n điể m phầ n lẻ
18	12153009	NGUYỄN THANH PHONG	DH12CD	<i>Phong</i>		0.5	1.5	2	4.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	12344185	NGUYỄN THANH PHONG	CD12CI	<i>Phong</i>		-	1.5	1	2.5	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	10137047	LÊ HOÀNG PHÚC	DH10NL	<i>Phuc</i>		-	1.5	1.5	3.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
21	10137009	LÊ THẾ QUAN	DH10NL	<i>Quan</i>		-	1.5	3	4.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	09118026	NGUYỄN VĂN QUANG	DH09CK	<i>Quang</i>		-	1	3	4.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	13154165	NGUYỄN DUY QUYÊN	DH13OT	<i>Quyên</i>		-	1.5	2	3.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	12344191	HÀ TẤN TÀI	CD12CI	<i>Tai</i>		1	0.5	1.5	3.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	10153033	NGUYỄN TUÔNG TAM	DH10CD	<i>Tam</i>	2	0.5	1.5	4.7	6.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	12154174	LÊ TRẦN MINH TÂM	DH12OT							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	09154090	NGUYỄN MINH TÂM	DH09OT	<i>Tam</i>		0.5	-	4	4.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	13118049	LƯƠNG NGỌC TÂN	DH13CK	<i>Tan</i>		1	1	1.5	3.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	08118015	LƯƠNG HOÀNG THÁI	DH08CK							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	12344116	ĐỖ VĂN THANH	CD12CI	<i>Thanh</i>		-	1.5	1.5	3.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	12153136	LÊ VĂN THÀNH	DH12CD	<i>Thanh</i>	2	1	2	5.5	8.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	12344126	VÕ THƠM	CD12CI	<i>Thom</i>		1	1.5	1.5	4.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	12344135	NGUYỄN LỘC THUẬN	CD12CI	<i>Thuan</i>		1	1	2	4.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	13334205	VÕ THÁI THUẬN	CD13CI	<i>Thuan</i>		-	1.5	1.8	3.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nguyên lý mã y-207111

Ngày Thi : 10/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi PV325 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi 70	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	12118095	DƯƠNG CÔNG	TRACH	Trach		1	1.5	2	4.5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12118006	NGUYỄN VĂN	TRỌNG	Trọng	2	1	2	5.8	8.8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	13118059	TRẦN VĂN	TRỌNG	Trọng		1	1.5	4.5	7.0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12153199	ĐẶNG NHƯ	TRUNG	Đặng		1	2	2.5	5.5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12344137	LÊ HIẾU	TRUNG	Trang		0.5	1	1.5	3.0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12137003	LÊ THÀNH	TRUNG	Trang		-	1	2	3.0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12153156	NGÔ NHẬT	TRƯỜNG	Tr		1	1	5	7.0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11344059	TRẦN QUANG	TRƯỜNG	Tr		-	1.5	4	5.5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12344152	VƯƠNG NHƯ	TÚ	Tr	2	-	1.5	2.5	4.0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12154154	KIM THANH	TUẤN	Tr	2	0.5	1.5	3.5	5.5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12153157	NGUYỄN ANH	TUẤN	Tr		-	1.5	4	5.5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12344052	PHẠM CHÍ	TUẤN	Tr		1	1.5	1.5	4.0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12153164	VÕ XUÂN	VINH	Tr		-	1.5	1.8	3.3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng : 5

Hiện diện : 42

Cá nhân coi thi 1

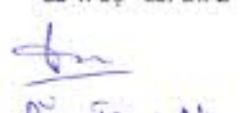
Cá nhân coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá nhân chấm thi 1

Cá nhân chấm thi 2


N.H. Đặng


Đặng Trung Nam


S. K. Thoa


Trương Quang Trường

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nguyễn Lý mã 207111

Ngày Thi : 10/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi PV337 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tôn trọng điểm phần nguyên	Tôn trọng điểm phần lẻ
1	12137001	ĐỖ HOÀNG ÁI	DH12NL	<i>Ái</i>	1	-	2	5.7	7.7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	10344093	NGUYỄN MINH ÂN	CD10CI	<i>Ân</i>	1	-	1.5	3.5	5.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	10138055	NGUYỄN LÊ BĂNG	DH10TD	<i>Băng</i>	1	-	1	2	3.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	10119021	PHAN NGUYỄN QUỐC BÙU	DH10CC	<i>Buu</i>	1	-	1.5	4.8	6.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	13334023	LÊ TUẤN CHIẾN	CD13CI	<i>Chuan</i>	1	-	1.5	0.5	2.0	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	12138068	LÊ HOÀNG ĐÙ	DH12TD	<i>Đu</i>	2	-	1.5	5.5	7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	11119006	TRẦN VŨ NGÂN GIANG	DH11CC	<i>Ngan</i>	1	-	2	6.5	8.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	12137021	PHẠM ĐỨC HUY	DH12NL	<i>Đức</i>	1	0.5	2	5	7.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	10169033	TRẦN MINH HUY	DH10GN	<i>Huy</i>	1	-	1.5	1	2.5	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	10169005	NGUYỄN HOÀNG HƯNG	DH10GN	<i>Hung</i>	✓	✓				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	07118009	PHAN VĂN LỢT	DH08CX	<i>Lot</i>	✓	✓				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	12344084	NGUYỄN NHƯ LUÂN	CD12CI	<i>Nhu</i>	1	-	2	5.5	7.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	12344145	VÕ BÀ LUÂN	CD12CI	<i>Ba</i>	1	-	1.5	2.6	4.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	11134007	ĐÀO MINH MÃN	DH11GB	<i>Man</i>	1	1	2	1.5	4.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	12344172	TRỊNH HỮU NGHĨA	CD12CI	<i>Hu</i>	1	-	-	1	1.0	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	09115033	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI	DH09CB	<i>Nhi</i>	✓	✓				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	12344102	DƯƠNG QUỐC PHÁP	CD12CI	<i>Phap</i>	1	-	1.5	1.7	3.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Nguyên lý mã y-207111

Ngày Thi : 10/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV337 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	12137038	VÕ DUY SON	DH12NL	✓	✓					0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12153139	ĐỖ TRỌNG TÂM	DH12CD	Đỗ Trọng Tâm	1	1	1	1	1.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	07119023	NGUYỄN CÔNG THÁNH	DH08CK	✓	✓					0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12344178	HỒ MINH THỊNH	CD12CI	Hồ Minh Thịnh	1	1	1	1	1.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12344124	LƯƠNG ĐỨC THÔNG	CD12CI	Lương Đức Thông	1	1	1.5	1	2.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12344183	NGUYỄN VĂN TRÂM	CD12CI	Nguyễn Văn Trâm	1	1	1.5	1.5	3.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12153122	TRẦN VĂN TUYÊN	DH12CD	✓	✓					0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12344151	TRẦN MẠNH TUỜNG	CD12CI	Trần Mạnh Tường	1	1	1.5	2.6	4.1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 8

Hiện diện: 19

Cá nhân coi thi 1

Cá nhân coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá nhân chấm thi 1

Cá nhân chấm thi 2

Phản ánh

Lê Văn Tuấn

Tường Dương Tường

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sức khỏe và thể dục - 207113

Ngày Thi : 19/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi RD202 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	12137001	ĐỖ HOÀNG ÁI	DH12NL	Ái			1.5	6.6	8.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12344002	HỒ VIỆT AN	CD12CI	Việt			1	0	1.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12138009	NGÔ HOÀNG ANH	DH12TD	Anh			1	2	3.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12138011	NGÔ NHẬT ANH	DH12TD	Anh			1	5	6.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153028	DƯƠNG GIA BẢO	DH12CD	Bảo			1.5	1.5	3.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10154058	ĐẬU VĂN CÔNG	DH10OT	Công			1.5	3	4.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12344023	HÀ VĂN CƯỜNG	CD12CI	✓						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11154024	LÊ PHÚC CƯỜNG	DH11OT	Cường			1.5	5.5	7.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10154004	LÊ QUỐC DŨNG	DH10OT	Quốc			1	3	4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12344030	TRẦN ANH DŨNG	CD12CI	Trần			1	3	4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12344163	VĂN VĂN DƯ	CD12CI	Văn			1	1	2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10138032	CHU VĂN ĐẠT	DH10TD	Đạt			-	2	2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12137012	NGUYỄN VĂN ĐUA	DH12NL	Đua			1	2	3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12138117	NGUYỄN VĂN HẢO	DH12TD	Hảo			1	1	2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10154065	LÝ MINH HẢO	DH10OT	Hảo			1.5	3	4.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12344049	NGUYỄN PHÚC HẬU	CD12CI	Hậu			1	3	4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12138020	MAI PHẠM MINH HIẾU	DH12TD	✓						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sức khỏe và thể lực - 207113

Ngày Thi : 19/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phóng thi RD202 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	12344055	NGUYỄN ĐẮC HOÀNG	CD12CI	<i>Hoàng</i>			1	3	4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12138003	NGUYỄN HUY HÙNG	DH12TD	<i>Phạm Huy Hùng</i>			1.5	3	4.5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12154110	TRẦN DUY HÙNG	DH12OT	<i>Trần Duy Hùng</i>			1.5	4	5.5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12344014	NGUYỄN VŨ LINH	CD12CI	<i>Linh</i>			1	1	2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12344048	NHỮ VĂN LINH	CD12CI	<i>Linh</i>			1	0	1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12138066	ĐẶNG TIỂU LONG	DH12TD	<i>Đặng Tiểu Long</i>			0.5	1	1.5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12153189	TÀ DUY LONG	DH12CD	<i>Tà Duy Long</i>			1.5	2	3.5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12344078	TRẦN ĐỨC LONG	CD12CI	<i>Trần Đức Long</i>			0.5	0	0.5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12344047	TRƯƠNG HOÀI LONG	CD12CI	<i>Trương Hoài Long</i>			1	1	2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12344080	NGUYỄN THÀNH LỢI	CD12CI	<i>Lợi</i>			1	1	2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12344084	NGUYỄN NHƯ LUÂN	CD12CI	<i>Như Luân</i>			1.5	6.5	8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng mặt: 2

Hiện diện: 26

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trương Quang Trọng

Phạm Minh Kiên

Đặng Tiểu Long

Trương Quang Trọng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sức khỏe và thể lực - 207113

Ngày Thi : 19/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi RD203 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12344082	LÊ VĂN LUYỆN	CD12CI	<i>Luyện</i>			1.5	1	2.5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	12138122	NGUYỄN THANH MỸ	DH12TD	<i>Mỹ</i>			1.5	1.5	3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	08138009	NGUYỄN THÀNH NAM	DH08TD	<i>Nam</i>						☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	10115006	LÊ TRỌNG NGHĨA	DH10CB	<i>Trọng</i>			1.5	0	1.5	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	12138123	NGUYỄN TẤN NGHIÊM	DH12TD	<i>Tấn</i>			1	2	3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	12344118	NGUYỄN NGỌC NGUYỄN	CD12CI	<i>Ngọc</i>			1	0	1	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	12153087	HỒ VĂN NHÂN	DH12CD	<i>Nhan</i>			1.5	1	2.5	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	09115033	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI	DH09CB	<i>Nhi</i>						☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	12344100	PHẠM QUỲNH NINH	CD12CI	<i>Minh</i>			1.5	4.5	6.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	12153112	ĐẶNG PHAN TẤN PHÁT	DH12CD	<i>Phát</i>			2	6.2	8.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	12153120	MAI TUẤN PHONG	DH12CD	<i>Tuấn</i>			1.5	2	3.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	12154122	NGUYỄN XUÂN PHONG	DH12OT	<i>Phong</i>			2	3	5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	12137036	LÊ HỮU PHƯỚC	DH12NL	<i>Phước</i>			1.5	3.2	4.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	12153125	ĐỖ BÁ QUANG	DH12CD	<i>Quang</i>			1.5	3	4.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	10154034	NGUYỄN PHƯỚC SƠN	DH10OT	<i>Phước</i>			1	1	2	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	12137038	VÕ DUY SƠN	DH12NL	<i>Sơn</i>						☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	12115027	BÙI VĂN TÂM	DH12CB	<i>Tâm</i>						☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sức bền vật liệu-207113

Ngày Thi : 19/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi RD203 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tôn trọng điểm phần nguyên	Tôn trọng điểm phần lẻ
18	12138067	NGUYỄN THÀNH TÂM	DH12TD				1	0	1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	12344194	TRẦN NGUYỄN MINH	CD12CI							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	12344175	PHẠM NGỌC TẤN	CD12CI				0.5	3.5	4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
21	12153081	TRẦN ĐĂNG THÔNG	DH12CD				1.5	5.5	7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	12344116	ĐỖ VĂN THANH	CD12CI				1.5	0	1.5	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	12137042	NGUYỄN VĂN THẮNG	DH12NL				1	1	2	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	12153141	TRẦN NGỌC THẮNG	DH12CD				1.5	2.5	4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	09119038	BÙI TẤN	DH09CC				2	4.7	6.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	12344128	VÕ MINH THUẬN	CD12CI				1	1	2	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	12153013	TRẦN MINH TIẾN	DH12CD				1	6.5	7.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	12153198	PHẠM NGỌC TỊNH	DH12CD				1.5	2.5	4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	12344181	VĂN ĐỨC TOÀN	CD12CI				0.5	2	2.5	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	12118095	DƯƠNG CÔNG TRẠCH	DH12CK				1	3	4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	11154031	NGUYỄN CHÍ TRAI	DH11OT				1.5	6	7.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	12344183	NGUYỄN VĂN TRÂM	CD12CI				1	1	2	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	12118006	NGUYỄN VĂN TRỌNG	DH12CK				1	4.8	5.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	10344084	TRẦN HIẾU	CD10CI				1.5	3.1	4.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sức bền vật liệu II-207113

Ngày Thi : 19/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi RD203 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	12118099	TẠ QUANG TUẤN	DH12CC				1	4	5	(4)(3)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
36	12115130	NGUYỄN HOÀNG VŨ	DH12CB				1	1	2	(4)(3)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Bùi Công Hoàng

Nguyễn Hoàng Choa

TS. Vũ Thị Tiên

Trần Quang Hùng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sức khỏe và thể lực 6-207113

Ngày Thi : 19/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi RD302 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12153027	LÊ ĐỨC ANH	DH12CD	<i>Đức</i>			2	6	8	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
-2	11344001	NGUYỄN VIỆT ANH	CD11CI							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10344093	NGUYỄN MINH AN	CD10CI	<i>Minh</i>			1	1	2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12138017	TRẦN ĐỨC BẢO	DH12TD	<i>Bảo</i>			2	6.5	8.5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153033	NGUYỄN TIỂU BÌNH	DH12CD	<i>Bình</i>			1	6	7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12138001	NGUYỄN TRƯỜNG CHINH	DH12TD	<i>Chinh</i>			1.5	6	7.5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12153041	NGUYỄN CHÍ CƯỜNG	DH12CD	<i>Cường</i>			1.5	5	6.5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154069	BÙI THÀNH ĐÀO	DH12OT	<i>Thào</i>			1.5	7.6	9.1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154055	LÂM HỒNG ĐẠT	DH12OT	<i>Đạt</i>	2		1.5	4	5.5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12138035	PHAN TIẾN ĐẠT	DH12TD	<i>Đạt</i>			2	1	3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11169017	NGUYỄN SĨ DẰNG	DH11GN	<i>Sĩ</i>			1	0	1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12153059	HỒ ANH ĐỒNG	DH12CD	<i>Đồng</i>			1	1.5	2.5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12153062	NGUYỄN VĂN ĐỨC	DH12CD	<i>Đức</i>			2	1	3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12153065	TRẦN VĂN HÀNH	DH12CD	<i>Hành</i>			1	1	2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154227	HỒ THANH HẬU	DH12OT	<i>Hậu</i>	2		2	8	10	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10137002	THÁI NGUYỄN NGỌC HÒA	DH10NL	<i>Hòa</i>			1	0	1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12138049	NGUYỄN TRỌNG HOÀN	DH12TD	<i>Hoàn</i>			1.5	7.5	9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sức khỏe và thể lực - 207113

Ngày Thi : 19/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi RD302 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
18	12138098	PHAN HUY	HOÀNG	DH12TD			1.5	8.5	5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12153079	VÕ VĂN HUY	HOÀNG	DH12CD			1	1	2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12118113	PHAN THÁI	HỌC	DH12CK			1	0	1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	09115018	HÀU ĐỨC	HUÂN	DH09CB						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12153175	LƯU GIA	HUÂN	DH12CD			1	2	3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	09154027	CHẾ MINH	KHIÊM	DH09OT						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12153074	TRẦN TRỌNG	KHIÊM	DH12CD			1	1	2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12153090	NGUYỄN MINH	KHOẢNH	DH12CD			1	1	2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12153092	NGUYỄN ANH	KIỆT	DH12CD			1	1	2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12138118	DƯƠNG HỒNG	LĨNH	DH12TD			1	4	5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12118046	NGUYỄN	LONG	DH12CC			1	0	1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng mặt: 03

Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Quang Hiền

Vũ Hồng Tiến

Nguyễn Văn Tiến

Nguyễn Quang Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sức bền vật liệu - 207113

Ngày Thi : 19/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phông thí RD303 Nhóm : 04 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	12138072	DƯƠNG VĂN LỘC	DH12TD	<i>Loc</i>			15	5	6.5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12344145	VÕ BÁ LUÂN	CD12CI	<i>Luân</i>			1	0	1	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12153190	LÊ CÔNG MINH	DH12CD	<i>Minh</i>			2	1	3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12118008	LƯƠNG HỮU MINH	DH12CC	<i>Minh</i>			0.5	2	2.5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11344035	NGUYỄN KHOA NAM	CD11CI	<i>Nam</i>			1	1	2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12118068	VÕ VĂN NHÂN	DH12CC	<i>Nhan</i>			0.5	1	1.5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12153088	ĐẶNG HOÀNG NHIÊN	DH12CD	<i>Nhan</i>			2	0	2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12344102	DƯƠNG QUỐC PHÁP	CD12CI	<i>Phap</i>			0.2	1	1.2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12153119	ĐỖ THÀNH PHÁT	DH12CD	<i>Phat</i>			0.5	3.5	4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12344103	PHẠM VĂN PHÁT	CD12CI	<i>Phat</i>			1.5	3.5	5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12153128	LÊ HỒNG PHÚC	DH12CD	<i>Phuc</i>			1	3	4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12344107	NGUYỄN LỘC PHÚC	CD12CI							(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12153068	LÊ HOÀNG PHƯƠNG	DH12CD	<i>Phuoc</i>			1	5	6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12118079	VÕ HỒNG QUỐC	DH12CK	<i>Quoc</i>			0.5	1	1.5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154008	NGUYỄN CHÚC QUYÊN	DH12OT	<i>Quyen</i>			0.5	1	1.5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10154035	HỒ THÁI OANH SỸ	DH10OT	<i>Sy</i>			✓	0	0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12138093	NGUYỄN MINH TÂM	DH12TD	<i>Tam</i>			1	4	5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sức khỏe và thể dục - 207113

Ngày Thi : 19/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phỏng thi RD303 Nhóm : 04 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tôn trọng điểm phần nguyên	Tôn trọng điểm phần lẻ
18	12153138	ĐOÀN VĂN THÀNH	DH12CD	<i>[Signature]</i>			1	3.5	4.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12154179	TRẦN TRUNG THÀNH	DH12OT	<i>[Signature]</i>			1	1	2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12154021	TRẦN VĂN THẮNG	DH12OT	<i>[Signature]</i>			0.5	1	1.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12153012	LÂM MINH THẮNG	DH12CD	<i>[Signature]</i>			1.5	5	6.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12153143	PHẠM QUỐC THẮNG	DH12CD	<i>[Signature]</i>			0.5	2	2.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12344111	VÕ TẤN THIÊN	CD12CI	<i>[Signature]</i>			0.2	1	1.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12153183	TRẦN THANH THOA	DH12CD	<i>[Signature]</i>			2	8	10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12344126	VÕ THOM	CD12CI	<i>[Signature]</i>			0.5	2	2.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12153156	NGÔ NHẬT TRƯỜNG	DH12CD	<i>[Signature]</i>			1	5	6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12153014	CAO MINH TÚ	DH12CD	<i>[Signature]</i>			2	5	7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12344148	TRẦN MINH TÚ	CD12CI	<i>[Signature]</i>			0.5	0	0.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12138132	LÊ ĐẮC TUẤN	DH12TD	<i>[Signature]</i>			0.5	2	2.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12138104	PHẠM VĂN TUẤN	DH12TD	<i>[Signature]</i>			1	2	3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11154053	HUỖNH THANH TÙNG	DH11OT	<i>[Signature]</i>			0.2	1	1.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12138087	TRƯƠNG THỊ TUYẾT	DH12TD	<i>[Signature]</i>			1	5	6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12118105	NGUYỄN THANH VINH	DH12CC	<i>[Signature]</i>			0.5	3.5	4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11344058	NGUYỄN MINH VƯỢNG	CD11CI	<i>[Signature]</i>			1	2	2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sức bền vật liệu II - 207113

Ngày Thi : 19/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phông thi RD303 Nhóm : 04 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	12154013	LÝ KIM XÀI	DH120T				20	4	5	(4)(0)(1)(2)(3)(4)●(6)(7)(8)(9)(10)	●(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)

Số lượng vắng: 1

Hiện diện: 54

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Đặng Trung Nam

Đào Duy Vinh

TS. Võ Thanh Tuyền

Trương Quang Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Thiết bị số y-207424

Ngày thi : 17/06/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phỏng thi RD104 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (60%)	Đ 2 (40%)	Điểm thi 70%	Điểm T. kết t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	07137016	PHAN AN BÌNH	DH07NL			10	6	5	5.7	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10137033	NGUYỄN DUY	DH10NL			5	7	5	5.4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	09137004	NGUYỄN VŨ HIỆP	DH09NL							(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10137002	THÁI NGUYỄN NGỌC	DH10NL			9	7	6	6.5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10137019	VŨ THẾ	DH10NL			9	6	6	6.3	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10137053	TRẦN THANH	DH10NL			10	8	8	8.2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10137005	VŨ VĂN LỢI	DH10NL			9	9	9	9.0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10137018	HỒ TRÍ	DH10NL			8	7	6	6.4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10137066	LÃU A	DH10NL			10	7	6	6.6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10137048	NGÔ HỮU	DH10NL			8	9	7	7.5	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10137008	NGUYỄN THÀNH	DH10NL			8	8	6	6.6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10137042	NGUYỄN HỒNG	DH10NL			9	7	7	7.2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10137047	LÊ HOÀNG	DH10NL			8	7	6	6.4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10137009	LÊ THẾ	DH10NL			8	6	6	6.2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10137065	LÊ ANH	DH10NL			8	7	6	6.4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10137057	NGUYỄN DUY	DH10NL			9	8	7	7.4	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10137029	NGUYỄN TĂNG	DH10NL			8	6	6	6.2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Thiết bị sấy - 207424

Ngày thi : 17/06/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phông thi RD104 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (40%)	Đ 2 (40%)	Điểm thi 70%	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
18	10137030	MAI VĂN THUẬN	DH10NL			9	7	5	5.8	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
19	10137025	NGUYỄN NHẬT TRIỀU	DH10NL			10	8	7	7.5	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	10137072	NGUYỄN THÁNH TRUNG	DH10NL			5	7	5	5.4	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	10137016	NGUYỄN TẤN TRÚNG	DH10NL			10	8	7	7.5	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	10137063	TRẦN THANH TRƯỜNG	DH10NL			7	8	8	7.9	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	10137081	ĐÌNH QUỐC TUẤN	DH10NL			9	9	8	8.3	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

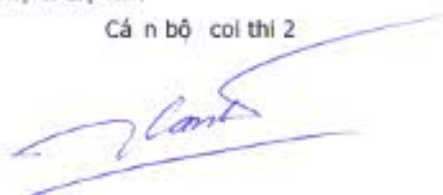
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

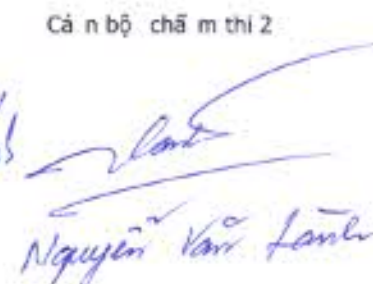
Cán bộ chấm thi 2











DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn học : Cơ sở kỹ thuật điều khiển TĐ-207526

Ngày thi : 23/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD301 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	10138003	ĐẶNG XUÂN ĐAI	DH10TD	<i>Đai</i>					7,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	10138032	CHU VĂN	DH10TD							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	10138007	PHẠM NGỌC HẢI	DH10TD	<i>Hải</i>					8,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	10138049	ĐÌNH NGỌC LĨNH	DH10TD	<i>Linh</i>					7,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	10138005	NGUYỄN MINH LONG	DH10TD	<i>Long</i>					6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	08138008	CHÂU HOÀNG	DH08TD							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	08138009	NGUYỄN THÀNH	DH08TD							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	10138009	BÙI NGUYỄN MINH PHÁT	DH10TD	<i>Phát</i>					8,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	08138010	PHÙNG TIẾN PHÁT	DH08TD							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	10138006	ĐẶNG THANH PHƯƠNG	DH10TD	<i>Phương</i>					6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	10138023	NGUYỄN TẤN QUÍ	DH10TD	<i>Quý</i>					7,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	09138046	CAO THANH	DH09TD							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	10138014	LÊ DUY THÁI	DH10TD	<i>Thái</i>					7,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	10138043	ĐẶNG THỊ MỸ THIÊN	DH10TD	<i>Thiên</i>					8,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	10138060	PHẠM QUỐC TRUNG	DH10TD	<i>Trung</i>					5,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

Số lượng vắng mặt:

Hiệu điểm:

Cá nhân coi thi 1

Cá nhân coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cá nhân chấm thi 1

Cá nhân chấm thi 2

Nguyễn Văn Công
Lê Quang Hiền

Nguyễn Văn Công
Phạm Minh Hiền

Nguyễn Văn Công
Lê Văn Bân

Nguyễn Văn Công
Nguyễn Văn Công Chính

Nguyễn Văn Công
Lê Quang Hiền

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật ĐKTD quá trình - 01-207527

CBGD: Lê Văn Bạ n (313)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	07138036	BÙI CÔNG LỰC	DH08TD	V					V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	08138008	CHÂU HOÀNG MINH	DH08TD	V					V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	08138010	PHÚN TIẾN PHÁT	DH08TD	V					V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10138003	ĐẶNG XUÂN ĐÀI	DH10TD	ĐC			6,7	6,8	6,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10138005	NGUYỄN MINH LONG	DH10TD	Long			5,5	5,3	5,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10138006	ĐẶNG THANH PHƯƠNG	DH10TD	ĐTN			6,2	6,2	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10138007	PHẠM NGỌC HẢI	DH10TD	Pham			7,1	7,0	7,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10138009	BÙI NGUYỄN MINH PHÁT	DH10TD	Phu			8,2	7,9	8,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10138014	LÊ DUY THÁI	DH10TD	LD			8	7,8	7,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10138019	TRẦN VĂN CƯỜNG	DH10TD	V					V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10138023	NGUYỄN TẤN QUÍ	DH10TD	Ng			5,8	5,7	5,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10138032	CHU VĂN ĐẠT	DH10TD	V			4,5	4,5	4,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10138043	ĐẶNG THỊ MỸ THIÊN	DH10TD	Thien			4,5	4,5	4,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10138049	ĐINH NGỌC LĨNH	DH10TD	LD					V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10138053	NGUYỄN VĂN VƯƠNG	DH10TD	V					V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10138055	NGUYỄN LÊ BẢNG	DH10TD	V					V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10138059	LÊ VĂN HÙNG	DH10TD	V					V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kỹ thuật ĐKTD quá trình - 01-207527

CBGD: Lê Văn Bạ (313)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	10138060	PHẠM QUỐC TRUNG	DH10TD	<i>Qu</i>			6,5	6,3	6,4	9 3 1 2 3 4 5 7 8 9 10	0 1 2 3 5 6 7 8 9
19	12138014	ĐOÀN TRỌNG HIẾU	DH12TD	<i>V</i>					V	9 3 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trần Văn Dũng

Lê Văn Bạ

Lê Quang Hùng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : KT lập trình ĐKTD quá trình - 01-207529

CBGD: Lê Văn Bạ (313)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kế t	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	08138008	CHÂU HOÀNG MINH	DH08TD	V					V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	08138009	NGUYỄN THÀNH NAM	DH08TD	V					V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	08138010	PHÚN TIẾN PHÁT	DH08TD	V					V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	09138046	CAO THANH SANG	DH09TD	V					V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10138003	ĐẶNG XUÂN ĐẠI	DH10TD	Đặng Xuân Đại			7	7	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10138005	NGUYỄN MINH LONG	DH10TD	Nguyễn Minh Long			5,5	5,3	5,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	10138006	ĐẶNG THANH PHƯƠNG	DH10TD	Đặng Thanh Phương			6,5	5,6	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	10138007	PHẠM NGỌC HẢI	DH10TD	Phạm Ngọc Hải			7,5	7,6	7,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	10138009	BÙI NGUYỄN MINH PHÁT	DH10TD	Bùi Nguyễn Minh Phát			8,5	8,1	8,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	10138014	LÊ DUY THÁI	DH10TD	Lê Duy Thái			8,5	8,3	8,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10138019	TRẦN VĂN CƯỜNG	DH10TD	V					V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10138023	NGUYỄN TẤN QUÍ	DH10TD	Nguyễn Tấn Quý			5,5	5,6	5,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	10138032	CHU VĂN ĐẠT	DH10TD	V					V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	10138043	ĐẶNG THỊ MỸ THIÊN	DH10TD	Đặng Thị Mỹ Thiên			4,5	4,4	4,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	10138049	ĐINH NGỌC LĨNH	DH10TD	Đinh Ngọc Linh			7,2	7,0	7,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	10138053	NGUYỄN VĂN VƯƠNG	DH10TD	V					V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10138055	NGUYỄN LÊ BẠNG	DH10TD	V					V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 01

Tổ :

Trang 2/2

Mã nhận dạng 03983

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : KT lập trình ĐKTD quá trình - 01-207529

CBGD: Lê Văn Bạ (313)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	10138059	LÊ VĂN HÙNG	DH10TD	V					V	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	10138060	PHẠM QUỐC TRUNG	DH10TD	<i>Ph</i>				7,5 7,7 7,6		0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ph
Lê Văn Bạ

Ph
Lê Văn Bạ

Ph
Lê Văn Bạ



Trường Đại học Nông Lâm
TP.HCM
Phòng Đào tạo

Mẫu In D2105

Bảng Ghi Điểm Thi Học Lại/Học Vượt

Học Kỳ 1 - Năm học 13-14

Điểm thi học kỳ

Thiết bị nhiệt lạnh TN (907421)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	Nhóm	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi Chú
1	07137016	PHAN AN BÌNH	DH07NL	L	6.6		<i>[Signature]</i>	Nợ HP
2	07137008	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	DH07NL	L	5.6		<i>[Signature]</i>	Nợ HP
3	07137046	TRẦN VĂN THANH	DH07NL	L	7.8		<i>[Signature]</i>	Nợ HP

Tổng số sinh viên dự thi: _____ Số bài thi: _____ Số tờ: _____ Kỳ thi ngày _____ Tháng _____ Năm _____
Số sinh viên đạt: 03; Không đạt: 0

Cán Bộ Coi Thi 1 _____ Cán Bộ Coi Thi 2 _____

Xác nhận của Bộ Môn *[Signature]* Cán Bộ Chấm Thi 1 *[Signature]* Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

[Signature]

TS. Nguyễn Huy Bích



Trường Đại học Nông Lâm
TP.HCM
Phòng Đào tạo

Mẫu In D2105

Bảng Ghi Điểm Thi Học Lại/Học Vượt

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Điểm thi học kỳ

Thiết bị nhiệt lạnh TN (907421)

Trang 1

STT	MSSV	Họ và Tên	Tên lớp	Nhóm	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi Chú
1	07137016	PHAN AN BÌNH	DH07NL	L	6.6		<i>AN</i>	Nợ HP
2	07137008	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	DH07NL	L	5.6		<i>PH</i>	Nợ HP
3	07137046	TRẦN VĂN THANH	DH07NL	L	7.3		<i>TH</i>	Nợ HP

Tổng số sinh viên dự thi: _____ Số bài thi: _____ Số tờ: _____

Kỳ thi ngày 13 Tháng 5 Năm 2014

Số sinh viên dự thi: 3; Không dự thi: 0

Cán Bộ coi Thi 1 _____ Cán Bộ coi Thi 2 _____

Xác nhận của Bộ Môn *anh* Cán Bộ Chấm Thi 1 *Binh* Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Trần Văn Thanh

TS. Nguyễn Huy Bích



Trường Đại học Nông Lâm
TP.HCM
Phòng Đào tạo

Mẫu In D2105

Bảng Ghi Điểm Thi Học Lại/Học Vượt

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Điểm thi học kỳ

Cơ sở nhiệt lạnh TN (907420)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	Nhóm	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi Chú
1	07137016	PHAN AN BÌNH	DH07NL	L	9	Chín		Nợ HP
2	07137008	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	DH07NL	L	7	Bảy		Nợ HP
3	07137046	TRẦN VĂN THANH	DH07NL	L	7	Bảy		Nợ HP

Tổng số sinh viên dự thi: _____ Số bài thi: _____ Số tờ: _____ Kỳ thi ngày _____ Tháng _____ Năm _____
Số sinh viên đạt: _____; Không đạt: _____

Cán Bộ Coi Thi 1 _____ Cán Bộ Coi Thi 2 _____

Xác nhận của Bộ Môn _____ Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Vương Đình Bình

Lê Quang Cường